

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1023*/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày *28* tháng *9* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 926/QĐ-BXD ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VP (KSTT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Sinh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1023/QĐ-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

**A - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA BỘ XÂY DỰNG VỚI CÁC
CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ THUỘC PHẠM VI QUẢN
LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

STT	Tên TTHC	Tên lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ		
2.	Lấy ý kiến thống nhất đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
3.	Góp ý đối với các quy hoạch do các Bộ, ngành, địa phương đề nghị Bộ Xây dựng có ý kiến góp ý		
4.	Chủ trì lập hợp phần về quy hoạch xây dựng trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác theo quy định	Quy hoạch – Kiến trúc	Vụ Quy hoạch - Kiến trúc
5.	Xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về lĩnh vực quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng, kiến trúc để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành		
6.	Phối hợp trả lời các văn bản, cho ý kiến với các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng về các nội dung, nhiệm vụ được yêu cầu		
7.	Trả lời các văn bản, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn và kiến trúc do các Bộ, ngành và địa phương đề nghị		

8.	Thẩm định đề án phân loại đô thị loại I, II, III và loại IV	Phát triển đô thị	Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh
9.	Thẩm định báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị		Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện
10.	Thẩm định hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị (Khu vực phát triển đô thị thuộc địa giới hành chính của 2 tỉnh trở lên và Khu vực phát triển đô thị có ý nghĩa quan trọng về an ninh – quốc phòng)		Bộ Xây dựng, Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh
11.	Xây dựng chương trình phát triển nhà ở của địa phương	Nhà ở	Sở Xây dựng
12.	Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương		Sở Xây dựng
13.	Cho ý kiến về chương trình/điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở của thành phố trực thuộc Trung ương		Sở Xây dựng
14.	Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở		Sở Xây dựng
15.	Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo		Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan

16.	Thẩm định đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại đặc biệt (lĩnh vực cao độ nền và thoát nước mặt đô thị; lĩnh vực chiếu sáng đô thị; lĩnh vực cấp nước đô thị; lĩnh vực thoát nước thải đô thị; lĩnh vực xử lý chất thải rắn; lĩnh vực nghĩa trang)	Hạ tầng kỹ thuật	Cục Hạ tầng kỹ thuật
17.	Lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng đối với Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố trực thuộc Trung ương, trừ các quy hoạch quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009		Cục Hạ tầng kỹ thuật

B - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỘ XÂY DỰNG

STT	Tên TTHC	Tên lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Cho ý kiến đối với hồ sơ xây dựng định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của chuyên ngành, của địa phương	Kinh tế xây dựng	Bộ Xây dựng
2.	Cho ý kiến đối với hồ sơ xác định định mức dự toán dịch vụ cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị		Bộ Xây dựng
3.	Lập Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng		Vụ Pháp chế
4.	Thẩm định Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Pháp chế	Vụ Pháp chế/Hội đồng tư vấn thẩm định (đối với trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định).
5.	Tiếp nhận và xử lý văn bản đến Bộ Xây dựng	Hành chính – Tổ chức	Văn phòng Bộ

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA BỘ XÂY DỰNG VỚI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ

I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH – KIẾN TRÚC

1. Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

1.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch.

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

1.4. Thời hạn giải quyết :

- Đối với đồ án Quy hoạch chung đô thị thành phố trực thuộc trung ương, thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 25 ngày, thời gian thẩm định đồ án không quá 30 ngày.

- Đối với các đồ án quy hoạch khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày.

1.5. Đối tượng thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt và cơ quan tổ chức lập Quy hoạch

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Xây dựng
- Cơ quan thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc

1.7. Kết quả thực hiện: Báo cáo thẩm định

1.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

2. Lấy ý kiến thống nhất đề án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đề án quy hoạch được duyệt;

- Dự thảo quyết định phê duyệt đề án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đề án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đề án.

2.4. Thời hạn giải quyết : Không quá 15 ngày

2.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Xây dựng

- Cơ quan thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc

2.7. Kết quả thực hiện: Văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

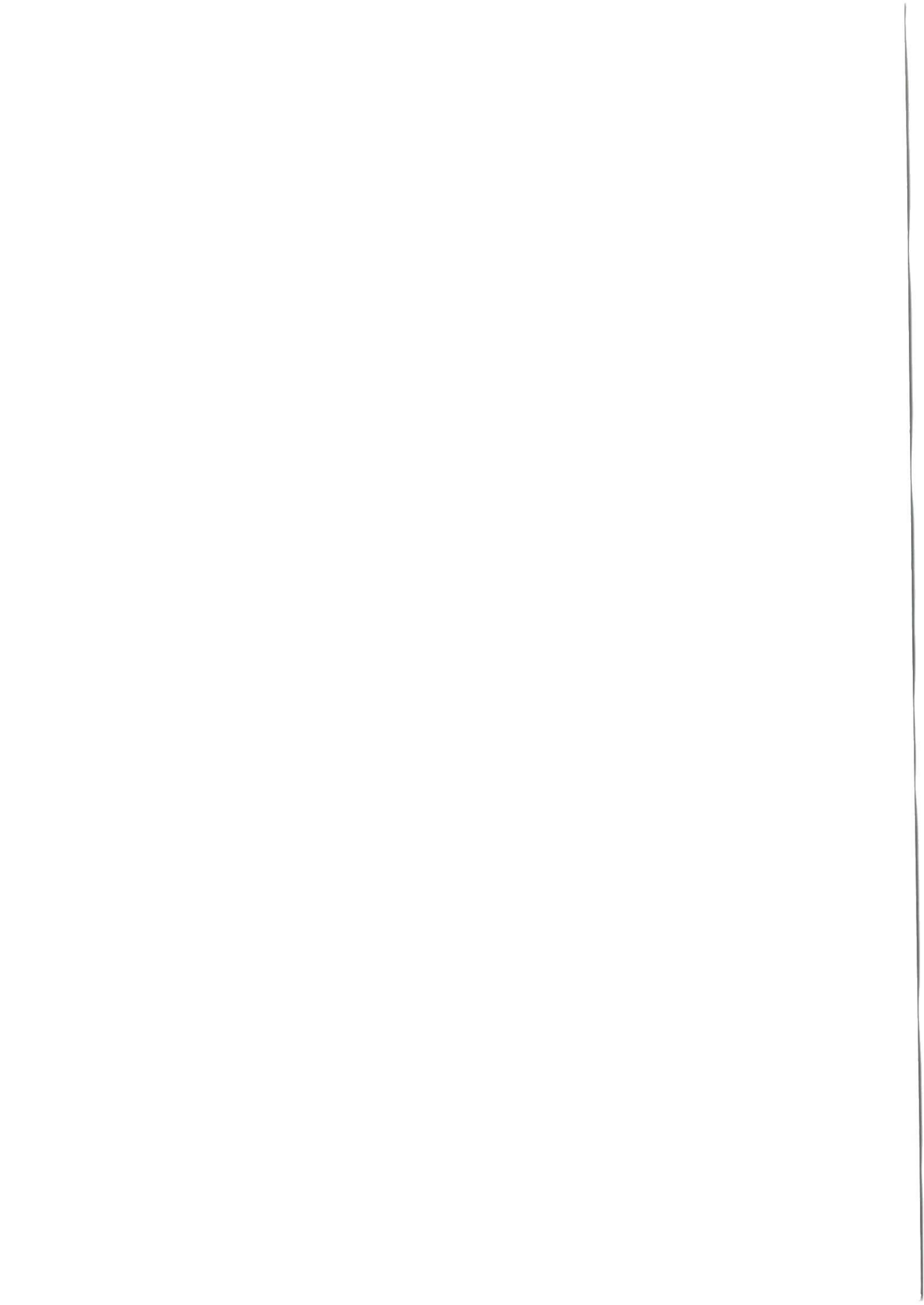
3. Góp ý đối với các quy hoạch do các Bộ, ngành, địa phương đề nghị Bộ Xây dựng có ý kiến góp ý

- 3.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định
- 3.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích
- 3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- 3.4. Thời hạn giải quyết :** Theo yêu cầu tại văn bản đề nghị
- 3.5. Đối tượng thực hiện:** Các Bộ, ngành, địa phương
- 3.6. Cơ quan giải quyết:**
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Xây dựng
 - Cơ quan thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc
- 3.7. Kết quả thực hiện:** Văn bản góp ý của Bộ Xây dựng
- 3.8. Phí, lệ phí:** Không quy định
- 3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định
- 3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định
- 3.11. Căn cứ pháp lý:**

- Nghị định số 52/2022/NĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 1152/QĐ-BXD ngày 01/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Quy hoạch – Kiến trúc.

4. Chủ trì lập hợp phần về quy hoạch xây dựng trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác theo quy định

- 4.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định
- 4.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích
- 4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- 4.4. Thời hạn giải quyết :** Theo yêu cầu tại văn bản đề nghị
- 4.5. Đối tượng thực hiện:** Các Bộ, ngành, địa phương
- 4.6. Cơ quan giải quyết:**
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Xây dựng
 - Cơ quan thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc
- 4.7. Kết quả thực hiện:** Văn bản góp ý của Bộ Xây dựng



4.8. Phí, lệ phí: Không quy định

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

4.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 52/2022/NĐ-TTg ngày 08/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng

5. Xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về lĩnh vực quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng, kiến trúc để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành

5.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

5.4. Thời hạn giải quyết : Không quy định

5.5. Đối tượng thực hiện: Các Bộ, ngành, địa phương

5.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Xây dựng
- Cơ quan thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc

5.7. Kết quả thực hiện: Hồ sơ, văn bản

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

5.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 52/2022/NĐ-TTg ngày 08/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

6. Phối hợp trả lời các văn bản, cho ý kiến với các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng về các nội dung, nhiệm vụ được yêu cầu

- 6.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định
- 6.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.
- 6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- 6.4. Thời hạn giải quyết :** Không quy định
- 6.5. Đối tượng thực hiện:** Các Bộ, ngành, địa phương
- 6.6. Cơ quan giải quyết:**
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Xây dựng
 - Cơ quan thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc
- 6.7. Kết quả thực hiện:** Văn bản
- 6.8. Phí, lệ phí:** Không quy định
- 6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định
- 6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định
- 6.11. Căn cứ pháp lý:**
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009;
 - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
 - Nghị định số 52/2022/NĐ-TTg ngày 08/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.
 - Quyết định số 1152/QĐ-BXD ngày 01/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Quy hoạch – Kiến trúc.

7. Trả lời các văn bản, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn và kiến trúc do các Bộ, ngành và địa phương đề nghị

- 7.1. Trình tự thực hiện:** Không quy định
- 7.2. Cách thức thực hiện:** Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích
- 7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định
- 7.4. Thời hạn giải quyết :** Không quy định
- 7.5. Đối tượng thực hiện:** Các Bộ, ngành, địa phương
- 7.6. Cơ quan giải quyết:**
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc

- Cơ quan thực hiện: Vụ Quy hoạch - Kiến trúc
- 7.7. **Kết quả thực hiện:** Văn bản
- 7.8. **Phí, lệ phí:** Không quy định
- 7.9. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định
- 7.10. **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không quy định
- 7.11. **Căn cứ pháp lý:**
 - Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009;
 - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
 - Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Thẩm định đề án phân loại đô thị loại I, II, III và loại IV

1.1. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập đề án phân loại đô thị cho đô thị loại đặc biệt và loại I là thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi gửi đến cơ quan thẩm định;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập đề án phân loại đô thị cho đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại II, loại III, loại IV trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi gửi đến cơ quan thẩm định;

1.2. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ trình thẩm định đề án gồm tờ trình của Ủy ban nhân dân, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và hồ sơ đề án phân loại đô thị được lập theo quy định, bao gồm:

- Phần thuyết minh đề án nêu rõ sự cần thiết, căn cứ pháp lý, phạm vi lập báo cáo; khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của đô thị; thực trạng đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt; đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và chất lượng công trình hạ tầng đô thị, tổng hợp thông tin, số liệu theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị và đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về phân loại đô thị; báo cáo tóm tắt chương trình phát triển đô thị và kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị các giai đoạn tiếp theo; kết luận và kiến nghị;

- Các phụ lục kèm theo đề án gồm văn bản pháp lý; ý kiến của cơ quan

chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đề án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15; bảng biểu số liệu liên quan và bản vẽ thu nhỏ (A3) được đóng dấu xác nhận gồm sơ đồ vị trí mối liên hệ vùng (01 bản), bản đồ địa giới hành chính đô thị (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện (01 bản), sơ đồ định hướng phát triển không gian (01 bản), bản đồ quy hoạch giai đoạn ngắn hạn (02 bản thể hiện các nội dung quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật); báo cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 đối với các đô thị hiện có trên địa bàn trong trường hợp đề án phân loại đô thị loại đặc biệt, loại I để dự kiến thành lập thành phố trực thuộc trung ương.

Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đô thị là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi đề án đến cơ quan thẩm định và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố;

- Phim minh họa thực trạng phát triển của đô thị đề nghị phân loại (khoảng 20 phút).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày

1.5. Đối tượng thực hiện: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Thủ tướng Chính phủ có văn bản công nhận kết quả rà soát tiêu chí phân loại đô thị đối với đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II;

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng có văn bản công nhận kết quả rà soát tiêu chí phân loại đô thị đối với đô thị loại III, loại IV; quyết định công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.7. Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận loại đô thị

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số: 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

2. Thẩm định báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị, báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị

2.1. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị đối với đô thị loại đặc biệt và loại I là thành phố trực thuộc trung ương, báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của khu vực dự kiến thành lập quận trong trường hợp có phạm vi liên quan đến nhiều đơn vị hành chính cấp huyện để bổ sung vào hồ sơ đề án phân loại đô thị hoặc gửi cơ quan thẩm định;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị đối với các đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại II, loại III, loại IV, loại V trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung vào hồ sơ đề án phân loại đô thị hoặc gửi cơ quan thẩm định;

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của khu vực dự kiến thành lập quận, phường, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cơ quan thẩm định;

- Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc rà soát, kiểm tra hồ sơ báo cáo trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.2. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ trình thẩm định đề án gồm tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và báo cáo quy định, bao gồm:

- Nội dung báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị gồm:

+ Thuyết minh nêu lý do và sự cần thiết, căn cứ pháp lý, phạm vi lập báo cáo rà soát tiêu chí phân loại đô thị, sự phù hợp của đề xuất mở rộng nội thành, nội thị để thành lập quận, phường với quy hoạch chung đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; khái quát hiện trạng phát triển đô thị, việc triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cấp đô thị tại các khu vực có dự kiến mở rộng đáp ứng tiêu chí phân loại đô thị; mức độ đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn so với kết quả đánh giá phân loại đã được công nhận loại đô thị; tổng hợp đánh giá phân loại đô thị theo quy định tại Phụ lục 1 của Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15; kết luận và kiến nghị;

+ Phụ lục kèm theo báo cáo rà soát gồm văn bản pháp lý; ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với báo cáo quy định tại

điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15; bảng biểu số liệu liên quan và bản vẽ thu nhỏ (A3) được đóng dấu xác nhận gồm bản đồ địa giới hành chính đô thị trong đó thể hiện rõ phạm vi mở rộng nội thị (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện (01 bản), các bản đồ quy hoạch chung đô thị trong đó thể hiện rõ định hướng phát triển không gian, sử dụng đất phát triển nội thành, nội thị.

- Nội dung báo cáo đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của khu vực dự kiến thành lập quận, phường gồm:

+ Thuyết minh nêu rõ sự cần thiết, căn cứ pháp lý, phạm vi lập báo cáo, sự phù hợp của đề xuất thành lập quận, phường mới với quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khái quát việc triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các khu vực có dự kiến hình thành quận, phường theo quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổng hợp đánh giá các tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2 của Nghị quyết 26/2022/UBTVQH; kết luận và kiến nghị;

+ Phụ lục kèm theo báo cáo đánh giá gồm văn bản pháp lý; ý kiến của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với báo cáo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15; bảng biểu số liệu liên quan và bản vẽ thu nhỏ (A3) được đóng dấu xác nhận gồm bản đồ địa giới hành chính dự kiến thành lập quận hoặc phường (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí công trình hạ tầng cấp đô thị, đơn vị ở, các dự án đang triển khai thực hiện tại khu vực dự kiến thành lập quận, phường (01 bản), các bản đồ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết trong đó thể hiện rõ định hướng phát triển không gian, sử dụng đất tại khu vực dự kiến hình thành các quận hoặc phường mới.

- Số liệu sử dụng để rà soát, đánh giá trong các báo cáo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều Điều 13 Nghị quyết 26/2022/UBTVQH15 là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm thực hiện báo cáo và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định

2.4. Thời hạn giải quyết : 30 ngày

2.5. Đối tượng thực hiện: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

2.6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Thủ tướng Chính phủ có văn bản công nhận kết quả rà soát tiêu chí phân

loại đô thị đối với đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II;

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng có văn bản công nhận kết quả rà soát tiêu chí phân loại đô thị đối với đô thị loại III, loại IV; quyết định công nhận khu vực dự kiến thành lập quận, phường đạt các tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện

2.7. Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận loại đô thị

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị

- Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

3. Thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị (*Khu vực phát triển đô thị thuộc địa giới hành chính của 2 tỉnh trở lên; khu vực phát triển đô thị có ý nghĩa quan trọng về an ninh - quốc phòng*)

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì, phối hợp với ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan tổ chức lập Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp cung cấp thông tin, lập kế hoạch thực hiện phần khu vực phát triển đô thị thuộc phạm vi quản lý và báo cáo Bộ Xây dựng đề tổng hợp đưa vào kế hoạch thực hiện trong hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị để trình phê duyệt theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị được quy định tại Điều 10 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ;

- Các văn bản pháp lý, bao gồm: bản chụp các quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức tư vấn lập quy hoạch; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án quy hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các văn bản pháp lý khác có liên quan đến chủ trương thành lập khu vực phát triển đô thị (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 10 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: Tối đa 30 ngày

3.5. Đối tượng thực hiện: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

3.6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định:

Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP;

b) Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

3.7. Kết quả thực hiện:

Quyết định công nhận khu vực phát triển đô thị của Thủ tướng Chính phủ

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ trình thẩm định theo mẫu quy định tại các Phụ lục 01, 03 của Thông tư số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

3.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

- Thông tư số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số: 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị)

CƠ QUAN TRÌNH

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị (tên khu vực)....**

Kính gửi: Cơ quan phê duyệt

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số ... ngày ... của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của (cấp có thẩm quyền) phê duyệt quy hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số .. ngày.. của (cấp có thẩm quyền) phê duyệt quy hoạch đô thị (xây dựng);

Các căn cứ pháp lý có liên quan khác

(Cơ quan trình) xin báo cáo (Cơ quan phê duyệt) và đề nghị phê duyệt đề xuất khu vực phát triển đô thị (tên khu vực) tại (địa chỉ khu vực phát triển đô thị được đề xuất) với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khu vực phát triển đô thị;
2. Địa điểm, ranh giới và diện tích khu vực phát triển đô thị;
3. Mô tả hiện trạng khu vực phát triển đô thị;
4. Cơ sở hình thành khu vực phát triển đô thị;
5. Tính chất/các chức năng chính của khu vực;
6. Giới thiệu nội dung cơ bản của quy hoạch chung được duyệt;
7. Kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị;
8. Thời hạn thực hiện dự kiến;
9. Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị;
10. Đề xuất về Ban quản lý khu vực phát triển đô thị theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị.
11. Báo cáo tóm tắt về khu vực phát triển đô thị dự kiến.

(Cơ quan trình) xin báo cáo và kính đề nghị (Cơ quan phê duyệt) xem xét, phê duyệt đề xuất khu vực phát triển đô thị nêu trên./.

CƠ QUAN TRÌNH**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định;
- Các cơ quan/cá nhân có liên quan;
- Lưu:.....

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC III

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc phê duyệt khu vực phát triển đô thị (tên khu vực)....**

Kính gửi: Cơ quan phê duyệt

Căn cứ Quyết định số ... ngày quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Cơ quan thẩm định);

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư liên tịch số ... ngày ... của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ pháp lý khác có liên quan

Căn cứ Thông báo kết luận cuộc họp thẩm định ngày tại

(Cơ quan thẩm định) ... kính trình (Cơ quan phê duyệt) ... phê duyệt khu vực phát triển đô thị với các nội dung chính sau đây:

1. Tên khu vực phát triển đô thị;
2. Địa điểm, ranh giới khu vực phát triển đô thị;
3. Mô tả hiện trạng khu vực phát triển đô thị;
4. Cơ sở hình thành khu vực phát triển đô thị;
5. Tính chất/các chức năng chính của khu vực;
6. Giới thiệu nội dung cơ bản của quy hoạch chung được duyệt;
7. Kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị;
8. Thời hạn thực hiện dự kiến;
9. Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị;
10. Đề xuất về Ban điều phối khu vực phát triển đô thị;
11. Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị ... và các bản vẽ minh họa xin được gửi kèm công văn này.
12. Đề xuất kiến nghị của (Cơ quan thẩm định)....:

Trên đây là các nội dung về khu vực phát triển đô thị ... (Cơ quan thẩm định) kính trình (Cơ quan phê duyệt) ... xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ quan/cá nhân có liên quan;
- Lưu.....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

IV. LĨNH VỰC NHÀ Ở

1. Xây dựng chương trình phát triển nhà ở của địa phương

1.1 Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng thực hiện xây dựng đề cương chương trình phát triển nhà ở, bao gồm nội dung chương trình, dự kiến kinh phí và dự kiến thuê đơn vị tư vấn xây dựng chương trình để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận;

- Sau khi có ý kiến chấp thuận đề cương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng chương trình phát triển nhà ở để phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tổ chức khảo sát, tổng hợp số liệu, xây dựng dự thảo chương trình và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến;

- Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về dự thảo chương trình, Sở Xây dựng tổ chức bổ sung, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua. Đối với các thành phố trực thuộc trung ương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng về nội dung chương trình trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua;

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua chương trình phát triển nhà ở của địa phương; sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chương trình này.

- Sau khi phê duyệt chương trình phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng tải công khai chương trình, kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và yêu cầu Sở Xây dựng đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng; đồng thời gửi chương trình, kế hoạch này về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

1.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được UBND tỉnh giao.

1.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của UBND cấp

tính kèm theo thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở của địa phương.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng đặc thù, quy hoạch nông thôn của địa phương đã được phê duyệt (khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở).

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

2. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương

2.1. Trình tự thực hiện:

- Trên cơ sở chương trình phát triển nhà ở của địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để phối hợp với các cơ quan có liên quan của địa phương xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm và hàng năm để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan của địa phương có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến nhà ở theo yêu cầu của Sở Xây dựng và phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở.

Trường hợp trong nội dung kế hoạch có quy định về sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp về kế hoạch sử dụng vốn trước khi phê duyệt;

- Trên cơ sở đề xuất nội dung kế hoạch phát triển nhà ở của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

Sau khi phê duyệt chương trình và kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng tải công khai chương trình, kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của Nghị định này.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

2.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

4. Thủ tục điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở

4.1. Trình tự thực hiện:

- Trước thời hạn 06 tháng, tính đến khi hết giai đoạn thực hiện chương trình phát triển nhà ở theo quy định đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức xây dựng chương trình phát triển nhà ở mới để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định của pháp luật về nhà ở; sau khi chương trình phát triển nhà ở được thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phê duyệt chương trình và tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương theo quy định của pháp luật về nhà ở.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng các nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua. Đối với các thành phố trực thuộc trung ương thì Ủy ban nhân dân thành phố phải lấy ý kiến của Bộ Xây dựng về các nội dung cần điều chỉnh trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua;

- Sau khi Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở;

- Trên cơ sở nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt, Sở Xây dựng tổ chức xây dựng hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn để xây dựng nội dung điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Việc điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở có thể được thực hiện ngay trong năm sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh chương trình hoặc trong năm sau của năm kế hoạch. Trường hợp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở trong năm sau của năm kế hoạch thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phê duyệt kế hoạch điều chỉnh này trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch dự kiến điều chỉnh;

- Trường hợp điều chỉnh nội dung kế hoạch có quy định về sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp về kế hoạch sử dụng vốn trước khi phê duyệt.

- Sau khi phê duyệt chương trình, kế hoạch đã điều chỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đăng tải công khai chương trình, kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và yêu cầu Sở Xây dựng đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng; đồng thời gửi chương trình, kế hoạch này về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ

- Thể hiện rõ các nội dung gồm: lý do, sự cần thiết phải điều chỉnh chương trình, đánh giá kết quả, các tồn tại và hạn chế của nội dung cần điều chỉnh, giải pháp để thực hiện nội dung điều chỉnh, tiến độ, trách nhiệm của cơ quan liên quan thực hiện nội dung điều chỉnh, mối liên hệ, ảnh hưởng của nội dung điều chỉnh với nội dung khác của chương trình, nguồn lực thực hiện và các nội dung liên quan khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

4.4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch dự kiến điều chỉnh.

4.5 Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức liên quan đến phát triển nhà ở.

4.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được UBND tỉnh giao.

4.7. Kết quả thực hiện: Quyết định của UBND cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh kèm theo thuyết minh Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương điều chỉnh.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Do thay đổi nội dung Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia hoặc thay đổi quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc phải điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

5.1. Trình tự xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở

5.1.1. Tại cấp thôn và tương đương (viết tắt là cấp thôn)

- Công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã phối hợp Trưởng thôn tổ chức họp để phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đến các hộ dân; lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở;

- Trên cơ sở danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở, tổ chức bình xét, đề xuất danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ về nhà ở (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD) gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, rà soát. Cuộc họp bao gồm Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và đại diện của các hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thôn; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát;

- Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý (theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín).

5.1.2. Tại cấp xã

- Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo được đề xuất hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua đài truyền thanh cấp xã (nếu có) trong thời gian 03 ngày;

- Hết thời hạn niêm yết công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, thẩm định, tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây mới hoặc sửa chữa nhà ở.

Sau 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp phải điều chỉnh lại danh sách thì phải phê duyệt lại và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BXD); gửi Đề án về Bộ Xây dựng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp phát sinh khiếu nại, tố cáo trong quá trình phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ về nhà ở thì việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

5.2. Cách thức thực hiện:

Lập danh sách, bình xét, phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5.3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Không quy định.

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5.5 Đối tượng thực hiện: Công chức được giao nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện: Đề án được phê duyệt

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ nhà ở thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có nhà ở hoặc nhà ở thuộc loại không bền chắc (trong ba kết cấu chính là nền - móng, khung - tường, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc).

+ Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ nghèo, hộ cận nghèo nhỏ hơn 8m².

+ Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội hoặc tổ chức xã hội khác.

5.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

V. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại đặc biệt (lĩnh vực cao độ nền và thoát nước mặt đô thị; lĩnh vực giao thông đô thị; lĩnh vực chiếu sáng đô thị; lĩnh vực cấp nước đô thị; lĩnh vực thoát nước thải đô thị; lĩnh vực xử lý chất thải rắn; lĩnh vực nghĩa trang)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc trách nhiệm tổ chức lập của mình và nhiệm vụ, đồ án quy hoạch do Thủ tướng Chính phủ giao;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành HTKT đối với đô thị loại đặc biệt.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị, gồm: tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; bản vẽ in màu thu nhỏ; các văn bản pháp lý có liên quan.

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị, gồm: tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; các phụ lục tính toán kèm theo; các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định; các văn bản pháp lý có liên quan.

1.4. Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật: thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 20 ngày, thẩm định đồ án không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện: Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đô thị loại đặc biệt).

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng

- Cơ quan thực hiện: Cục Hạ tầng kỹ thuật

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đô thị loại đặc biệt).

1.7. Kết quả thực hiện:

- Báo cáo kết quả Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại đặc biệt.

1.8. Phí, lệ phí: Mức thu theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị có hiệu lực kể từ ngày 25/5/2010, được sửa đổi, bổ sung bởi:
 - Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 30/8/2019.

2. Lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng đối với quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố trực thuộc Trung ương, trừ các quy hoạch quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009.

2.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; các phụ lục tính toán kèm theo; các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định; các văn bản pháp lý có liên quan.

2.4. Thời hạn giải quyết : Không quá 15 ngày

2.5. Đối tượng thực hiện: Thành phố trực thuộc Trung ương

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Xây dựng
- Cơ quan thực hiện: Cục Hạ tầng Kỹ thuật

2.7. Kết quả thực hiện: Văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị có hiệu lực kể từ ngày 25/5/2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 30/8/2019.

B - THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BỘ XÂY DỰNG

I. LĨNH VỰC KINH TẾ XÂY DỰNG

1. Cho ý kiến đối với hồ sơ xây dựng định mức dự toán cho các công tác xây dựng đặc thù của chuyên ngành, của địa phương

1.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

1.5. Đối tượng thực hiện: Cục Kinh tế Xây dựng – Bộ Xây dựng

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Xây dựng

- Cơ quan thực hiện: Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện: Văn bản cho ý kiến

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Trước khi ban hành áp dụng

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Điều 7, Khoản 20 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Cho ý kiến đối với hồ sơ xác định định mức dự toán dịch vụ cây xanh đô thị, chiếu sáng đô thị

2.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

2.5. Đối tượng thực hiện: Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh giao tổ chức xác định định mức

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan thực hiện: Bộ Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Không quy định

2.7. Kết quả thực hiện: Văn bản cho ý kiến

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị .

III. LĨNH VỰC PHÁP CHẾ

1. Lập Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng

1.1. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chủ trì báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực về các văn bản quy phạm pháp luật dự kiến đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ.

- Đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đăng ký Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo mẫu quy định tại Quyết định số 619/QĐ-BXD sau khi có ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách, gửi về Vụ Pháp chế.

- Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp, hoàn thiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ hàng năm, trình Bộ trưởng ký ban hành.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

1.5. Đối tượng thực hiện: Các đơn vị thuộc Bộ

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Cơ quan thực hiện: Vụ Pháp chế

- Cơ quan phối hợp: Không quy định

1.7. Kết quả thực hiện: Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Biểu mẫu đăng ký tại Phụ lục kèm theo Quy chế của Quyết định số 619/QĐ-BXD.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 619/QĐ-BXD ngày 15/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành quy chế soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Thẩm định Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

2.1. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị chủ trì soạn thảo Thông tư gửi Vụ Pháp chế hồ sơ đề nghị thẩm định. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo thông tư do đơn vị chủ trì gửi thẩm định. Trong trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm định không đáp ứng yêu cầu quy định, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Vụ Pháp chế đề nghị đơn vị chủ trì bổ sung đầy đủ hồ sơ.

- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự thảo thông tư. Trong quá trình thẩm định, Vụ Pháp chế được mời đại diện các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các chuyên gia am hiểu sâu về các vấn đề có liên quan đến nội dung thẩm định tham gia thẩm định, được đề nghị đơn vị chủ trì giải trình về dự thảo thông tư để phục vụ cho công tác thẩm định.

- Đối với dự thảo thông tư có quy định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do Vụ Pháp chế chủ trì soạn thảo, Vụ Pháp chế có thể báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định thành lập hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, các chuyên gia, các nhà khoa học.

Trong trường hợp thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, Bộ trưởng hoặc Lãnh đạo Bộ phụ trách (trong trường hợp được Bộ trưởng phân công) chủ trì tổ chức cuộc họp tư vấn thẩm định

- Trên cơ sở kết quả nghiên cứu dự thảo thông tư, biên bản cuộc họp hội đồng tư vấn thẩm định (nếu có), Vụ Pháp chế hoàn thành báo cáo thẩm định.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định dự thảo thông tư;
- Tờ trình Bộ trưởng về dự thảo thông tư;
- Dự thảo thông tư sau khi tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo thông tư; bản chụp ý kiến góp ý;

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo thông tư (nếu có); bản đánh giá thủ tục hành chính trong trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao quy định thủ tục hành chính; báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có);

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2.4. Thời hạn giải quyết :

- Trường hợp không thành lập hội đồng tư vấn thẩm định: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Pháp chế nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm định.

- Trường hợp thành lập hội đồng tư vấn thẩm định: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp hội đồng tư vấn thẩm định, Vụ Pháp chế phải hoàn thành báo cáo thẩm định.

2.5. Đối tượng thực hiện: Đơn vị chủ trì soạn thảo Thông tư

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Vụ Pháp chế/Hội đồng tư vấn thẩm định (đối với trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định).

- Cơ quan thực hiện: Vụ Pháp chế/Hội đồng tư vấn thẩm định (đối với trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định).

- Cơ quan phối hợp: Không quy định

2.7. Kết quả thực hiện:

Văn bản báo cáo thẩm định.

2.8. Phí, lệ phí:

Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Thông tư, mẫu Tờ trình, mẫu Báo cáo đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Yêu cầu về hồ sơ, thời gian, nội dung thẩm định Thông tư theo quy định tại Điều 102 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ);

- Mục 2 Chương III Quyết định số 619/QĐ-BXD ngày 15/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành quy chế soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

IV. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH – TỔ CHỨC

1. Tiếp nhận và xử lý văn bản đến Bộ Xây dựng

1.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực liên thông Quốc gia, dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần văn bản Bộ Xây dựng tiếp nhận bao gồm: Văn bản giấy, văn bản điện tử (bao gồm văn bản thường và văn bản mật).

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Văn phòng Bộ tiếp nhận, đề xuất xử lý văn bản đến phải thực hiện ngay trong ngày làm việc khi văn bản đến Bộ; Đối với văn bản đóng dấu “ Khẩn” hoặc “ Hỏa tốc” phải xử lý trong ngày kể cả ngày nghỉ;

- Lãnh đạo Bộ xử lý văn bản ngay trong ngày làm việc (gồm bản giấy và bản điện tử);

- Văn thư làm thủ tục giao chuyển bản chính về cho đơn vị chủ trì theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ;

- Văn bản mật thực hiện xử lý theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

1.5. Đối tượng thực hiện:

- Cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xử lý văn bản.

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Lãnh đạo Bộ Xây dựng

- Cơ quan thực hiện: Văn phòng Bộ

1.7. Kết quả thực hiện: Đơn vị chủ trì

1.8. Phí, lệ phí: Không có

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý: Quy chế làm việc của cơ quan Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 898/QĐ-BXD ngày 09 tháng 9 năm 2016.

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ; UBND CÁC TỈNH, THÀNH
PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC SỞ XÂY DỰNG VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ XÂY DỰNG**

TT	Đóng góp ý kiến	Tên cơ quan/Nội dung góp ý kiến	Tiếp thu	Không tiếp thu	Ý kiến của Văn phòng Bộ
I.	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (21 Bộ, cơ quan ngang Bộ)				
1	Thông nhất với nội dung dự thảo Quyết định (06 Bộ, cơ quan ngang Bộ)	(1) Bộ Quốc phòng (VB số 2638/SXD-VP ngày 27/7/2023); (2) Bộ Nội vụ (VB số 3912/BNV-CCHC ngày 22/7/2023); (3) Bộ Công thương (VB số 5028/BNV-CCHC ngày 31/7/2023); (4) Bộ Thông tin và Truyền thông (VB số 2973/SXD-VP ngày 25/7/2023) (5) Bộ Ngoại giao (VB số 3858/BNG-VP ngày 09/8/2023) (6) Thanh tra Chính phủ (VB số 1747/TTCP-VP ngày 27/7/2023)			
2	Không có văn bản góp ý (07 Bộ, cơ quan ngang Bộ)	(1) Bộ Công an, (2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (3) Bộ Giao thông Vận tải, (4) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (5) Bộ Giáo dục và Đào tạo, (6) Bộ Y tế, (7) Ủy ban Dân tộc			

<p>3. Đóng góp ý kiến: (08 Bộ, cơ quan ngang Bộ)</p>	<p>(1) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (2) Bộ Tài chính; (3) Bộ Tài nguyên và Môi trường; (4) Bộ Tư pháp; (5) Bộ Khoa học công nghệ và môi trường; (6) Bộ Lao động, Thương binh – Xã hội; (7) Văn phòng Chính phủ; (8) Ngân hàng Nhà nước.</p>			
<p>3.1 Góp ý chung</p>	<p>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (VB số 2638/BNV-VP ngày 26/7/2023) Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát lại Luật Xây dựng; Luật Quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP; Nghị định số 11/2013/NĐ-CP,... và các văn bản liên quan để thông kê đầy đủ các TTHC nội bộ đang có hiệu lực thi hành theo đúng quy định. Đồng thời, nghiên cứu, xem xét để phân loại TTHC tại Danh mục theo các cấp khác nhau (ví dụ: cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) để thể hiện rõ trách nhiệm của cơ quan giải quyết TTHC của từng cấp</p>		<p>Bộ Xây dựng công bố không danh mục TTHC nội bộ tại theo các cấp khác nhau vì tại theo các cấp Bộ thực hiện công bố theo mẫu hướng dẫn của VPCP .</p>	<p>Bộ Xây dựng công bố không danh mục TTHC nội bộ khác nhau vì Bộ thực hiện công bố theo mẫu hướng dẫn của VPCP .</p>
	<p>Đối với các TTHC quy định mức phí, lệ phí: Đề nghị dẫn chiếu cụ thể tới điều, khoản, điểm của từng văn bản quy phạm pháp luật để đối tượng thực hiện TTHC</p>	<p>Tiếp thu</p>		<p>Tiếp thu</p>

	biết và thực theo đúng quy định.				
	Bộ Tài chính (VB số 8091/SXD-VP ngày 01/8/2023) Về số lượng TTHC nội bộ được công bố Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát đảm bảo 100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ được thống kê, công bố (lần đầu) theo đúng mục tiêu tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025.	Tiếp thu		Tiếp thu	
	Bộ Tài nguyên và Môi trường (VB số 5932/BTNMT-VP ngày 27/7/2023); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (VB số 5896/NHNN-VP ngày 26/7/2023) Về kỹ thuật trình bày: - Tại Phụ lục kèm theo dự thảo của Quyết định có Phần II nhưng không có Phần I. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung cho đồng bộ, thống nhất - Đơn vị soạn thảo thực hiện kê khai theo đúng hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo công văn số 6828/VPCP-KSTT ngày	Tiếp thu		Tiếp thu	

		12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ gồm Phần I “Danh mục TTHC” và Phần II “Nội dung cụ thể của từng TTHC”; đồng thời nên rà soát thống nhất số thứ tự danh mục và tên các thủ tục tại Phần I và Phần II để các đơn vị liên quan dễ theo dõi thực hiện.			
		Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (VB số 5896/NHNN-VP ngày 26/7/2023)			
		<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cách thức thực hiện bằng phương thức trực tuyến đối với một số thủ tục: đề nghị cần nhắc bổ sung cách nộp, gửi văn bản, hồ sơ qua email hoặc cung cấp đường dẫn (link) vào hệ thống để thực hiện; - Có một số lỗi soạn thảo trong dự thảo, đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, chỉnh sửa. 	<p>Sau này, qua quá trình rà soát, Bộ Xây dựng sẽ đề xuất sửa đổi, bổ sung cụ thể cách thức nộp trực tuyến để sửa đổi văn bản QPPL.</p>	<p>Sau này, qua quá trình rà soát, Bộ Xây dựng sẽ đề xuất sửa đổi, bổ sung cụ thể cách thức nộp trực tuyến để sửa đổi văn bản QPPL</p>	
3.2	Góp ý riêng từng lĩnh vực				
a.	Lĩnh vực Phát triển đô thị	Bộ Tư pháp (VB số 3202/BNV-CCHC ngày 26/7/2023)			
		<p>Bổ sung thủ tục</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Lập và phê duyệt Định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia”; “Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch 	<p>Bộ Xây dựng không tiếp thu.</p> <p>Lý do:</p>	<p>Đề nghị không tiếp thu</p>	

		<p>đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân”; các thủ tục có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch đô thị... được quy định tại Luật Quy hoạch đô thị.</p> <p>- “Bộ Xây dựng cho ý kiến về các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử”; “Bộ Xây dựng cho ý kiến về các dự án bảo tồn tôn tạo công trình di sản văn hóa” tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị. Đồng thời, cần nhắc điều chỉnh tên TTHC trong lĩnh vực phát triển đô thị ngắn gọn, đảm bảo thể hiện khái quát được chính sách tại văn bản QPPL, tránh sử dụng cả đoạn quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để làm tên TTHC.</p>		<p>- Đây là TTHC thuộc lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc;</p> <p>- TTHC không thuộc danh mục TTHC nội bộ</p>	
		<p>Bộ Khoa học và Công nghệ (VB số 2447/SXD-VP ngày 27/7/2023)</p>			
		<p>Về tên các TTHC nội bộ: Đề nghị đặt tên các TTHC theo quy định tại văn bản, trường hợp chưa được quy định cụ thể thì đặt tên ngắn gọn, thể hiện rõ nội hàm của TTHC. Tại danh mục kèm theo dự thảo Quyết định một số tên TTHC chưa thể hiện ngắn gọn nội hàm của thủ tục hoặc lấy kết quả giải quyết thủ tục đặt tên cho</p>		<p>Bộ Xây dựng không tiếp thu.</p> <p>Lý do: TTHC đã phân cấp cho địa phương.</p>	<p>Đồng ý không tiếp thu</p>

		thủ tục, ví dụ: các thủ tục tại Mục II.1, II.4.		
		Bộ Lao động Thương binh và xã hội (VB số 3057/SXD-VP ngày 08/8/2023)		
		Tại TTHC “Lập, thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị” thuộc lĩnh vực Phát triển đô thị, đề nghị chỉnh sửa nội dung “2.4 Thời hạn giải quyết: Tối đa 15 ngày” thành “2.4 Thời hạn giải quyết: Tối đa 30 ngày làm việc”. Lý do sửa đổi, tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD- BNV quy định: “Thời gian thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị không vượt quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định hợp lệ được quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch này”.	Tiếp thu	Tiếp thu
b.	Lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng	Bộ Tài chính (VB số 8091/SXD-VP ngày 01/8/2023)		
		Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng và Quyết định số 14/QĐ-BXD ngày 17/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng		Bộ Xây dựng đã đồng ý không không đưa các công bố các TTHC này vào dự TTHC này thảo Quyết định

		<p>về việc phân công nhiệm vụ giám định tư pháp xây dựng cho các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, cơ quan có thẩm quyền thực hiện các TTHC nội bộ trên là Bộ Xây dựng. Theo đó, đề nghị Bộ Xây dựng rà soát các TTHC số thứ tự 01, 02, 03, 04 - Phần 11 - Mục B dự thảo Quyết định để đảm bảo sự thống nhất về nội dung “cơ quan thực hiện” giữa phần danh mục TTHC nội bộ và phần chi tiết của từng TTHC nội bộ và chỉnh sửa nội dung tại cột “cơ quan thực hiện” từ “<i>không quy định</i>” thành “<i>Bộ Xây dựng</i>” để đảm bảo đồng bộ, chính xác.</p>		
<p>c. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng</p>		<p>Bộ Khoa học và Công nghệ (VB số 2447/SXD-VP ngày 27/7/2023)</p>		
		<p>Về tên các TTHC nội bộ: Đề nghị đặt tên các TTHC theo quy định tại văn bản, trường hợp chưa được quy định cụ thể thì đặt tên ngắn gọn, thể hiện rõ nội hàm của TTHC. Tại danh mục kèm theo dự thảo Quyết định một số tên TTHC chưa thể hiện ngắn gọn nội hàm của thủ tục hoặc lấy kết quả giải quyết thủ tục đặt tên cho</p>	<p>Tiếp thu</p>	<p>Tiếp thu</p>

		thủ tục, ví dụ: các thủ tục tại Mục III.1.			
d.	Lĩnh vực Quy hoạch – Kiến trúc	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (VB số 2638/BNN-VP ngày 26/7/2023)	Đổi với các TTHC có căn cứ là “Luật Xây dựng số 50/2014/QH13” (TTHC số 1, 2 phần A): Đề nghị bổ sung: “Nghị định số 44/2015/NĐ-CP”; theo đó, rà soát đề thông kê trình tự thực hiện; yêu cầu điều kiện được quy định tại Nghị định này đảm bảo đầy đủ, chính xác (Điều 25, Điều 26, Điều 27, ...); đề nghị rà soát tương tự với các TTHC khác của dự thảo Quyết định.	Chưa có giải trình	
		Bộ Tài nguyên và Môi trường (VB số 5932/BTNMT-VP ngày 27/7/2023)			
		Khoản 1, Điều 5 Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định: “Quy hoạch phải gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước và phải đảm bảo tính hệ thống trong các quy hoạch liên quan”; Khoản 1 Điều 37 Luật Tài nguyên nước quy định: “Quy hoạch đô thị, khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu kinh tế,	Chưa có giải trình		

		<p>khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải phù hợp với quy mô xả nước thải, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và phải được cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước có thẩm quyền chấp thuận trước khi trình phê duyệt". Do vậy, đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, lồng ghép các nội dung nêu trên vào các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc, Phát triển đô thị có liên quan đến nội dung Quy hoạch và Phụ lục đính kèm của dự thảo Quyết định công bố TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.</p>		
		<p>Bộ Khoa học và Công nghệ (VB số 2447/SXD-VP ngày 27/7/2023)</p>		
		<p>Về xác định TTHC nội bộ: Đề nghị Quý Bộ cân nhắc không đưa các thủ tục không có các yếu tố cấu thành TTHC vào danh mục TTHC nội bộ, ví dụ: các thủ tục được thông kê tại Mục I.3, I.4, I.5, I.6 và I.7... của danh mục kèm theo dự thảo Quyết định.</p> <p>Lý do: Đối chiếu quy định tại Quyết định</p>	<p>Chưa có giải trình</p>	

		<p>số 1085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/9/2022 ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 và Công văn số 6828/VPPC-KSTTHC ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 thì các thủ tục nêu trên không phải là TTHC nội bộ, đây là quy trình, công việc hành chính giữa các cơ quan nhà nước.</p>		
		<p>Văn phòng Chính phủ</p>		
		<p>Đề nghị bổ sung thêm các TTHC nội bộ sau:</p> <p>1. Lập, phê duyệt, ban hành, công bố Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị Căn cứ pháp lý: Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 Về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị</p> <p>2. Lập quy hoạch xây dựng vùng Căn cứ pháp lý: Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng</p> <p>3. Lập danh mục công trình kiến trúc có giá trị</p>	<p>Chưa có giải trình</p>	
			<p>Chưa có giải trình</p>	

		Căn cứ pháp lý: Nghị định 85/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc			
		4 .Lập kế hoạch cắm mốc giới Căn cứ pháp lý: Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 Quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng		Chưa có giải trình	
		Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (VB số 5896/NHNN-VP ngày 26/7/2023)			
		- Đối với các TTHC nội bộ thuộc lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc (tại Phần A): Theo nội dung thông kê của Quý Bộ, thẩm quyền quyết định là Bộ trưởng do đó đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát lại Cơ quan thực hiện là Bộ Xây dựng hay Vụ Quy hoạch - Kiến trúc.		Chưa có giải trình	
e.	Lĩnh vực Nhà ở	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (VB số 2638/BNN-VP ngày 26/7/2023)			
		Bổ sung cơ quan thực hiện đối với TTHC theo “Cho ý kiến về chương trình/điều chỉnh UBND tỉnh chương trình phát triển nhà ở của thành phố trực thuộc Trung ương” tại số thứ tự mục 3.6 16 phần A Danh mục.	Đã tiếp thu hướng UBND tỉnh hiện tại 3.6 chương IV Phần II của		Đồng ý bổ sung

		Dự thảo.	
	Bộ Tài nguyên và Môi trường (VB số 5932/BTNMT-VP ngày 27/7/2023)		
	Tại Phụ lục TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng: Đề nghị xem xét, bổ sung cơ quan thực hiện với thủ tục “Cho ý kiến về trình/điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở của thành phố trực thuộc ương” thuộc số thứ tự 16 Mục IV (Lĩnh vực nhà ở) phần A.	Đã tiếp thu theo hướng UBND tỉnh thực hiện tại mục 3.6 chương IV của Dự thảo.	Đồng ý bổ sung
	Văn phòng Chính phủ		
	Bổ sung TTHC: Xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở Căn cứ pháp lý: Điều 6 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Tiếp thu và bổ sung vào danh mục thủ tục hành chính nội bộ	Đồng ý bổ sung
	Bổ sung TTHC: Lập và phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở Căn cứ pháp lý: Thông tư số 09/2013/TT-BXD ngày 1/7/2013 Hướng dẫn thực hiện	Không tiếp thu vì Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg đã dừng thực hiện	Đồng ý không bổ sung

		Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà.		(theo Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 chỉ cho kéo dài thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg đến hết năm 2019)
g.	Lĩnh vực Kinh tế xây dựng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (VB số 5896/NHNN-VP ngày 26/7/2023) - Đối với các TTHC nội bộ của Bộ Xây dựng (tại Phần B): Thủ tục 1 và 2 thuộc Lĩnh vực kinh tế xây dựng, đối tượng thực hiện là Cơ quan, tổ chức cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do vậy đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát đưa các TTHC nội bộ này sang danh mục TTHC nội bộ giữa Bộ xây dựng với Cơ quan hành chính Nhà nước (tại Phần A).		Chưa có giải trình
h.	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật	Văn phòng Chính phủ - Bổ sung TTHC: Lập nhiệm vụ, đồ án		
				Tiếp thu và đã đưa

		<p>quy hoạch cấp nước đô thị Căn cứ pháp lý: Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</p>		<p>vào dự thảo Quyết định công bố định công bố TTHC: “Thẩm định đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị loại đặc biệt (lĩnh vực cao độ nền và thoát nước mặt đô thị; lĩnh vực chiếu sáng đô thị; lĩnh vực cấp nước đô thị; lĩnh vực thoát nước thải đô thị; lĩnh vực xử lý chất thải rắn; lĩnh vực nghĩa trang)</p>	<p>Đồng ý công bố TTHC này</p>
i.	Lĩnh vực hành chính – tổ chức	Văn phòng Chính phủ			
		<p>Bổ sung TTHC: Lập, tổ chức thực hiện và kiểm điểm thực hiện chương trình công tác Căn cứ pháp lý: Quyết định số 898/QĐ/BXD ngày 09/09/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế làm</p>	<p>Tiếp thu</p>		<p>Tiếp thu</p>

		việc của cơ quan Bộ Xây dựng			
		Bổ sung TTHC: Tiếp nhận và xử lý văn bản đến Căn cứ pháp lý: Quyết định số 898/QĐ/BXD ngày 09/09/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế làm việc của cơ quan Bộ Xây dựng	Tiếp thu	Tiếp thu	
		Bổ sung TTHC: Thủ tục trình văn bản Căn cứ pháp lý: Quyết định số 898/QĐ/BXD ngày 09/09/2016 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế làm việc của cơ quan Bộ Xây dựng	Tiếp thu	Tiếp thu	
k.	Lĩnh vực thi đua khen thưởng	Văn phòng Chính phủ			
		Bổ sung TTHC: Đăng ký thi đua Căn cứ pháp lý: Thông tư số 04/2020/TT-BXD ngày 30/12/2020 Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Xây dựng			Bộ Xây dựng Đồng ý không đồng ý tiếp thu vì tiếp thu đây chỉ là công việc có tính chất 1 chiều, không phải là TTHC nội bộ.
l.	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Văn phòng Chính phủ			
		Bổ sung TTHC: Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 2 thông tư theo quy định về nhiệm vụ quyền			Nội dung này được Đồng ý thực theo quy định trên cơ sở hiện quy định tại khoản hướng dẫn

	<p>hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ pháp lý: Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</p>		<p>1 Điều 1 Nghị định chung của Bộ số 107/2020/NĐ-Nội vụ và CP và khoản 2 Điều không xây 1 Nghị định số dựng TTHC nội 108/2020/NĐ-CP. bộ này tại Dự Đây là các thủ tục thảo Quyết nội bộ về nội dung định. tổ chức bộ máy thuộc lĩnh vực nội vụ, tại Thông tư số 03/2022/TT-BXD</p>
	<p>Bổ sung TTHC: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các nhiệm vụ tại khoản 2 Điều 2 Thông tư theo quy định về nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ pháp lý: Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022</p>		<p>Đồng ý thực không quy định hiện theo thêm các nội dung hướng dẫn môi, riêng cho chung của Bộ ngành Xây dựng. Nội vụ và Đề thực hiện thống không xây nhất TTHC nội bộ dựng TTHC nội trong lĩnh vực nội bộ này tại Dự vụ giữa các ngành thảo Quyết tại địa phương, đề định. nghị thực hiện theo hướng dẫn chung của Bộ Nội vụ và không xây dựng TTHC nội bộ này tại Dự thảo Quyết định.</p>

		<p>Bổ sung TTHC: Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các nhiệm vụ tại điểm b khoản 4 Điều 2 thông tư theo quy định về nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ pháp lý: Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022</p>	<p>Nhiệm vụ này liên quan đến hoạt động chuyên môn của Vụ hướng dẫn Quy hoạch – Kiến trúc do vậy đề nghị lấy ý kiến của đơn vị chuyên môn để làm cơ sở xây dựng TTHC nội bộ đảm bảo phù hợp với thực tiễn.</p>	<p>Đồng ý thực hiện theo hướng dẫn của Bộ và vụ xây dựng TTHC nội bộ này tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>
	<p>Bổ sung TTHC: Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các nhiệm vụ tại điểm b khoản 8 Điều 2 Thông tư theo quy định về nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Căn cứ pháp lý: Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022</p>	<p>Nhiệm vụ này liên quan đến hoạt động chuyên môn của Cục Hạ tầng kỹ thuật do vậy đề nghị lấy ý kiến của đơn vị chuyên môn để làm cơ sở xây dựng TTHC nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định và thực tiễn. Tuy nhiên, chưa có giải trình của Cục Hạ tầng kỹ thuật</p>	<p>Nhiệm vụ này liên quan đến hoạt động chuyên môn của Cục Hạ tầng kỹ thuật do vậy đề nghị lấy ý kiến của đơn vị chuyên môn để làm cơ sở xây dựng TTHC nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định và thực tiễn. Tuy nhiên, chưa có giải trình của Cục Hạ tầng kỹ thuật</p>	

		<p>Bổ sung TTHC: Trình Ủy ban nhân dân Tiếp thu và cấp tỉnh các nhiệm vụ tại điểm a khoản 9 đã xây dựng Điều 2 thông tư theo quy định về nhiệm vụ thủ tục hành quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng nội bộ dựng thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	<p>Về chương trình phát triển nhà ở</p>		<p>Đồng ý xây dựng TTHC nội bộ này tại Dự thảo Quyết định</p>
		<p>Căn cứ pháp lý: Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022</p>			
		<p>Bổ sung TTHC: Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các nhiệm vụ tại điểm a khoản 11 Điều 2 thông tư theo quy định về nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>		<p>Không tiếp thu</p>	<p>Đồng ý không xây dựng TTHC nội bộ này tại Dự thảo Quyết định</p>

	<p>Căn cứ pháp lý: Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022</p>		<p>Lý do: Nội dung này không liên quan đến TTHC do đó thực hiện theo quy định hiện hành và không xây dựn thành TTHC nội bộ.</p>
	<p>Bổ sung TTHC: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện các nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 4 thông tư theo quy định về nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện.</p> <p>Căn cứ pháp lý: Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/20</p>		<p>Nội dung này được Đồng ý thực theo quy định trên cơ sở hiện quy định tại khoản hướng dẫn 1 Điều 1 Nghị định chung của Bộ số 107/2020/NĐ-Nội vụ và CP và khoản 2 Điều không xây 1 Nghị định số dựn TTHC nội 108/2020/NĐ-CP. bộ này tại Dự Đây là các thủ tục thảo Quyết nội bộ về nội dung máy tổ chức bộ máy thuộc lĩnh vực nội vụ, tại Thông tư số 03/2022/TT-BXD không quy định thêm các nội dung mới, riêng cho ngành Xây dựng. Để thực hiện thống nhất TTHC nội bộ</p>

II. UBND tỉnh, thành phố/ Số Xây dựng (63 tỉnh, thành)	Nội dung góp ý kiến	Tiếp thu	Không tiếp thu	
<p>I.</p> <p>Thông nhất với nội dung dự thảo Quyết định (14 Sở Xây dựng, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)</p>	<p>(1) Bạc Liêu (VB số 2912/UBND-KT ngày 01/8/2023);</p> <p>(2) Bắc Kạn (VB số 1436/SXD-VP ngày 25/7/2023);</p> <p>(3) Cao Bằng (VB số 1999/UBND-TTPVHCC ngày 26/7/2023);</p> <p>(4) Cần Thơ (VB số 2253/SXD-VP ngày 27/7/2023);</p> <p>(5) Đà Nẵng (VB số 4001/UBND-KSTT ngày 31/7/2023)</p> <p>(6) Kon Tum (VB số 2404/UBND-HTKT ngày 26/7/2023);</p> <p>(7) Long An (VB số 2832/SXD-VP ngày 26/7/2023);</p>			
			<p>trong lĩnh vực nội vụ giữa các ngành tại địa phương, đề nghị thực hiện theo hướng dẫn chung của Bộ Nội vụ và không xây dựng TTHC nội bộ này tại Dự thảo Quyết định.</p>	

				<p>(8) Nam Định (VB số 1482/SXD-VP ngày 25/7/2023);</p> <p>(9) Nghệ An (VB số 6218/UBND-KSTT ngày 28/7/2023);</p> <p>(10) Quảng Ngãi (VB số 1480/SXD-VP ngày 28/7/2023)</p> <p>(11) Sóc Trăng (VB số 1754/SXD-VP ngày 25/7/2023);</p> <p>(12) Vĩnh Phúc (VB số 3136/SXD-VP ngày 02/8/2023);</p> <p>(13) Yên Bái (VB số 1644/SXD-VP ngày 24/7/2023);</p> <p>(14) Bình Thuận (VB số 2195/SXD-VP ngày 21/8/2023).</p>
<p>2.</p> <p>Không có văn bản góp ý kiến</p> <p>(19 Sở Xây dựng, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)</p>				<p>(1) Bến Tre (2) Bình Dương (3) Cà Mau, (4) Đắk Lắk, (5) Đắk Nông, (6) Điện Biên, (7) Gia Lai, (8) Hà Giang, (9) Hà Tĩnh, (10) Hưng Yên, (11) Khánh Hòa, (12) Kiên Giang, (13) Lai Châu, (14) Quảng Nam, (15) Sơn La, (16) Thái Nguyên, (17) Thanh Hóa, (18) Trà Vinh, (19) Tuyên Quang.</p>
<p>3.</p> <p>Có công văn góp ý kiến nhưng gửi thiếu Phụ lục đính kèm</p> <p>(01 Sở Xây dựng)</p>				<p>Sở Xây dựng Hậu Giang (VB số 1300/SXD-VP ngày 27/7/2023)</p>

		<p>(1) An Giang, (2) Bắc Giang, (3) Bắc Ninh, (4) Bình Định, (5) Bình Phước, (6) Đồng Nai, (7) Đồng Tháp, (8) Hà Nam, (9) Hải Dương, (10) Hải Phòng, (11) Hòa Bình, (12) Hồ Chí Minh, (13) Lào Cai, (14) Lạng Sơn, (15) Lâm Đồng, (16) Ninh Bình, (17) Ninh Thuận, (18) Phú Thọ, (19) Phú Yên, (20) Quảng Bình, (21) Quảng Ninh, (22) Quảng Trị, (23) Tây Ninh, (24) Thái Bình, (25) Thừa Thiên Huế, (26) Tiền Giang, (27) Vĩnh Long, (28) Hà Nội, (29) Bà Rịa – Vũng Tàu.</p>			
4.1	Góp ý chung	<p>Sở Xây dựng Quảng Ninh (VB số 2978/SXD-VP ngày 03/8/2023)</p> <p>Các TTHC giữa cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng ban hành thuộc các lĩnh vực quy hoạch kiến trúc, phát triển đô thị, quản lý chất lượng công trình xây dựng, nhà ở. Để đơn giản hóa TTHC hơn nữa đề nghị Văn phòng Bộ Xây dựng nghiên cứu tham mưu giảm 20-40% thời gian đối với TTHC có quy định thời gian giải quyết; đối với các TTHC không quy định trình tự, thời gian giải quyết, thành phần số lượng hồ sơ...thì</p>		<p>Giai đoạn này là Đồng ý giai đoạn thông kê đoạn này chưa các TTHC nội bộ, cắt giảm mà để sau đó đến giai đoạn giải quyết và soạn rà soát. Bộ soạn, đơn giản Xây dựng sẽ tiến hành rà soát, nếu TTHC nội bộ nào thiếu các thành phần như trình tự, thời gian giải quyết,</p>	<p>Đồng ý giai đoạn này chưa cắt giảm mà để đến giai đoạn giải quyết và soạn, đơn giản</p>

	Không cần thiết phải ban hành do khó xây dựng quy trình, kiểm đếm kết quả.		thành phần số lượng hồ sơ... thì Bộ sẽ kiến nghị đề đề xuất sửa đổi, bổ sung trong văn bản quy phạm pháp luật
	Sở Xây dựng Tây Ninh (VB số 2978/SXD-VP ngày 03/8/2023)		
	Đề xuất Bộ Xây dựng thống nhất thời gian giải quyết TTHC là “ngày làm việc”.		Bộ Xây dựng thống Đồng ý thống kê theo đúng quy định tại văn bản QPPL
	Sở Xây dựng Bắc Ninh (VB số 1280/SXD-VP ngày 25/7/2023)		
	1. Về nội dung thủ tục hành chính nội bộ Tiếp Việc xây dựng TTHC nội bộ được hiểu là việc trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người quan có thẩm quyền quy định để giải quyết còn các công việc cụ thể cho cơ quan hành chính thành nhà nước. Tuy nhiên qua nghiên cứu nội dung cụ thể của TTHC nội bộ, Sở Xây có thì sẽ kiến dựng nhận thấy rất nhiều TTHC nội bộ nghị ở giai không quy định đầy đủ các bộ phận tạo đoạn đề đề xuất sửa thành thủ tục hành chính. Ví dụ như: - Trình tự thực hiện: Không quy định; thu về sẽ phải bố cơ giải quyết còn các phần không kiến ở giai rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung		Đồng ý về việc sẽ phải công bố cơ quan giải quyết còn các thành phần khác không có thì sẽ kiến nghị ở giai đoạn rà soát đề đề xuất sửa đổi, bổ sung trong văn bản quy phạm

		<p>- Thành phần hồ sơ: Không quy định;</p> <p>- Số lượng hồ sơ: Không quy định;</p> <p>- Thời gian thực hiện: Không quy định.</p> <p>Do vậy, đa số TTHC nội bộ đã nêu trong dự thảo không đủ điều kiện để trở thành TTHC. Sở Xây dựng đề nghị rà soát lại, trường hợp các bộ phận cơ bản tạo thành TTHC như thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, cơ quan giải quyết mà không quy định được thì đề nghị không xây dựng thành thủ tục hành chính. Trường hợp xây dựng thành TTHC nội bộ thì đề nghị phải quy định cụ thể được các bộ phận chính của TTHC trong đó đặc biệt lưu ý về quy định thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, cơ quan giải quyết. (trong lĩnh vực giám định tư pháp, dự thảo đang đề 04 TTHC không quy định về cơ quan giải quyết).</p>	trong văn bản quy phạm pháp luật	pháp luật
		2. Tên một số TTHC nội bộ trong dự thảo chưa hợp lý. Đề nghị đặt tên theo hướng ngắn gọn, xúc tích, mô tả được công việc chính của TTHC nội bộ.	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu
		3. Qua thực tiễn, Sở Xây dựng Bắc Ninh nhận thấy Sở Xây dựng và các địa phương	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu

				<p>có nhiều công việc liên quan Bộ Xây dựng, nhiều công việc hiện nay chưa có TTHC, thời gian thực hiện thực tế đôi lúc khác nhau, chưa rõ ràng cụ thể. Sở Xây dựng đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu, xây dựng các công việc thường xuyên của các địa phương (như công việc lấy ý kiến hoặc sự thống nhất của Bộ trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc, phát triển đô thị, nhà ở,...) thành các TTHC nội bộ của Bộ Xây dựng để minh bạch hóa, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của các cơ quan hành chính nhà nước.</p>			
				<p>Sở Xây dựng Bình Phước (VB số 2355/SXD-VP ngày 28/7/2023)</p>			
				<p>I. Dự thảo có “Phần II” không có “Phần I” đề nghị bổ sung.</p>		Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu
				<p>Sở Xây dựng Hải Dương (VB số 2743/SXD-VP ngày 28/7/2023)</p>			
				<p>Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát, bổ sung thêm các thủ tục hành chính nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) trong Quyết định công bố thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ</p>			<p>Theo hướng dẫn Đồng ý Bộ Xây dựng của VPCP thì việc dựng chỉ công bố các TTHC bỏ các TTHC nội bộ thuộc thẩm nội bộ giữa quyền giải quyết Chính phủ, Thủ của địa phương tương Chính</p>

	<p>Xây dựng</p>		<p>(cấp tỉnh, cấp phủ với bộ, huyện, cấp xã) Bộ UBND Xây dựng chỉ công tỉnh; bộ các TTHC nội Chính phủ, Thủ bộ giữa Chính phủ, tướng Chính Thủ tướng Chính phủ với bộ, phủ với bộ, UBND UBND cấp tỉnh; giữa tỉnh; giữa tỉnh; giữa Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phủ với bộ, với bộ, UBND cấp UBND cấp tỉnh; giữa Thủ tướng; giữa bộ tướng Chính phủ với bộ; giữa bộ với bộ, UBND cấp với UBND cấp tỉnh; giữa bộ với tỉnh; giữa đơn bộ; giữa bộ với vị thuộc bộ, UBND cấp tỉnh; UBND cấp tỉnh giữa đơn vị thuộc này với đơn vị bộ, UBND cấp tỉnh thuộc bộ, UBND khác...) tỉnh khác...)</p>
	<p>Số Xây dựng Lạng Sơn (VB số 1407/SXD-VP ngày 25/7/2023); Số Xây dựng Lâm Đồng (VB số 1725/SXD-VP ngày 25/7/2023)</p>		

		Chỉnh sửa lại cách đánh số trang trong dự thảo theo đúng quy định tại số thứ tự 7, mục I, phần I, Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư	Tiếp thu	
		Sở Xây dựng Phú Yên (VB số 1610/SXD-VP ngày 25/7/2023)		
		Đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh hoặc của Sở Xây dựng kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét bổ sung cách thức thực hiện như sau: Theo dự thảo: " <i>Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích.</i> " Đề nghị điều chỉnh thành: "Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích." Lý do: Để có nhiều hình thức thực hiện, giảm chi phí trong thực hiện TTHC (do gửi bưu điện), đáp ứng yêu cầu tiên tới Chính phủ điện tử và xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả giải quyết TTHC trong thời gian tới.	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu
4.2	Góp ý riêng			
a.	Lĩnh vực phát triển đô	UBND TP Hải Phòng (VB số 1774/UBND-XD2 ngày 24/7/2023)		

thị		Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu
	<p>Tại số thứ tự II.8 Chương A Phần I: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Bộ Xây dựng khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt”. Việc thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân (hộ gia đình, cá nhân) tự xây dựng nhà ở, được quy định tại Khoản 7 Điều 4 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ và được hướng dẫn thực hiện về trình tự, thủ tục thực hiện tại Điều 11, Thông tư số 20/2013/TT-BXD ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng, theo đó “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các khu vực được chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân (hộ gia đình, cá nhân) tự xây dựng nhà ở, sau khi có ý kiến thống nhất bằng Văn bản của Bộ Xây dựng theo quy định tại Khoản 7 Điều 4 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ”.</p> <p>Hiện nay, theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 4 Nghị định số</p>		

	<p>11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị vẫn quy định thẩm quyền thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh và bổ sung thêm một số quy định cụ thể hơn khi thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền cho người dân tự xây dựng nhà ở, do vậy thủ tục lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tại dự thảo vẫn căn cứ Điều 11 Thông tư liên tịch số 20/2013/TT-BXD ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ.</p> <p>Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai: “Chủ đầu tư dự án xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền tại khu vực không nằm trong địa bàn các phường của các đô thị loại đặc biệt và đô thị loại I trực thuộc</p>		
--	---	--	--

	<p>Trung ương; khu vực có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị; mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên và các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị.”.</p> <p>Như vậy, đối với thành phố Hải Phòng là đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương, hiện nay việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền chỉ được thực hiện tại các khu vực không thuộc các khu vực nêu tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nêu trên, cụ thể đối với thành phố Hải Phòng các thủ tục này hầu như không nằm trong địa bàn các phường thuộc thành phố Hải Phòng, đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>Để rút ngắn quy trình, thủ tục, UBND thành phố Hải Phòng đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh nội dung tại Điều 11 Thông tư liên tịch số 20/2013/TT-BXD ngày 21/11/2013 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ theo hướng đề cho UBND thành phố Hải Phòng (đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương) được thực</p>			
--	---	--	--	--

	hiện toàn bộ quy trình, thủ tục mà không phải lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, đồng thời bỏ thủ tục tại số thứ tự II.8 Chương A Phần I đối với đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương.			
	Sở Xây dựng An Giang (VB số 2784/SXD-VP ngày 24/7/2023) (Có kèm theo Công văn số 929/UBND-TH ngày 23/7/2023 của UBND tỉnh An Giang):			
	Tại điểm b, mục 4(sửa đổi, bổ sung khoản 7, Điều 4), khoản 9, Điều 4, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, quy định “ b) <i>Không thuộc khu vực có yêu cầu cao quản lý về kiến trúc cảnh quan, mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên và các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị từng đô thị, quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, hạ tầng, đô thị để quy định cụ thể</i>	Tiếp thu		Đồng ý tiếp thu

	<p>Khu vực được thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền cho người dân được tự xây dựng nhà ở”.</p> <p>Do vậy, kiến nghị điều chỉnh khoản 8, mục II, phần A dự thảo Quyết định công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, cho phù hợp quy định nêu trên.</p>			
	<p>Sở Xây dựng Bắc Giang (VB số 2063/SXD-VP ngày 27/7/2023); Sở Xây dựng Ninh Thuận (VB số 2350/SXD-VP ngày 24/7/2023); Sở Xây dựng Đồng Nai (VB số 2693/SXD-VP ngày 25/7/2023 và VB số 7678/UBND-HCC ngày 31/7/2023); Sở Xây dựng Hòa Bình (VB số 2490/SXD-VP ngày 21/7/2023 và VB số 1184/UBND-NYK ngày 24/7/2023); Sở Xây dựng Lâm Đồng (VB số 1725/SXD-VP ngày 25/7/2023); Sở Xây dựng Lào Cai (VB số 3637/UBND-KSTT ngày 27/7/2023); UBND TP Hải Phòng (VB số 1774/UBND-XD2 ngày 24/7/2023); Sở Xây dựng Phú Thọ (VB số 1263/SXD-VP ngày 25/7/2023); Sở Xây dựng Quảng Bình (VB số 1928/SXD-VP ngày</p>			

		<p>25/7/2023); Sở Xây dựng Quảng Trị (VB số 1639/SXD-VP ngày 24/7/2023); Sở Xây dựng Thái Bình (VB số 1662/SXD-VP ngày 25/7/2023); Thừa Thiên - Huế (VB số 2676/SXD-VP ngày 24/7/2023); Sở Xây dựng Vĩnh Long (VB số 1593/SXD-VP ngày 25/7/2023); UBND TP Hà Nội (VB số 2475/UBND-KSTHC ngày 08/8/2023)</p>		
		<p>1. Thủ tục “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Bộ Xây dựng khi thực hiện chuyên quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt”</p> <p>- Đề nghị: Bộ TTHC nội bộ này, lý do Khoản 4, Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ đã không còn quy định thủ tục này.</p>	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu
		<p>2. Thủ tục “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thông nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị</p>	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu

		thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”.		
		- Đề nghị: Bộ TTHC nội bộ này, lý do Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ không có quy định thủ tục này.		
		Sở Xây dựng Bình Định (VB số 2438/SXD-VP ngày 26/7/2023)		
		- Đối với các TTHC số 8,9,10,11 tại Mục II, lĩnh vực Phát triển đô thị: Góp ý bổ sung, cập nhật các nội dung mới có liên quan quy định tại Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu
		- Đối với TTHC số 12 tại Mục II, lĩnh vực Phát triển đô thị: Góp ý bổ sung, cập nhật các nội dung mới có liên quan quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu

	Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị				
	Sở Xây dựng Bình Phước (VB số 2355/SXD-VP ngày 28/7/2023)				
	<p>2.1. Về TTHC số 9 “Lập, thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị” và số 10 “Công nhận các khu vực phát triển đô thị”</p> <p>- Theo nội dung diễn giải cụ thể chi tiết về Thủ tục hành chính số 9 và 10 tại mục 2 và mục 3 phần II (trang 11-18) thì trình tự các bước thực hiện tương tự nhau và kết quả thực hiện thủ tục hành chính đều là “<i>Quyết định công nhận khu vực phát triển đô thị của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định công nhận khu vực phát triển đô thị của UBND cấp tỉnh</i>”. Do đó, đề nghị xem xét nhập thủ tục số 9 và số 10 thành một TTHC với tên gọi là “<i>Lập, thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị và Công nhận khu vực phát triển đô thị</i>”.</p> <p>- Nội dung tại mục A phần 2.3 (trang 12) quy định về thành phần hồ sơ trình thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị là “<i>Các văn bản pháp lý, bao gồm: bản chụp các quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức</i></p>				
				Đồng ý không tiếp thu	
				Bộ Xây dựng không tiếp thu. Lý do: TTHC đã điều chỉnh sau khi Nghị định 35/2023/NĐ-CP được ban hành	

	<p>tư vấn lập quy hoạch; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đề án quy hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các văn bản pháp lý khác có liên quan đến chủ trương thành lập khu vực phát triển đô thị (nếu có).”. Hiện nay, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội là một hợp phần được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch năm 2017, do đó đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh quy định về thành phần hồ sơ trình thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị cho phù hợp với các quy định hiện hành.</p>			
	<p>2.2. Về TTHC số 11 “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thông nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”</p> <p>- Tại mục 4.7 phần 4 (trang 19) - Kết quả thực hiện TTHC là “Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển đô thị”, tuy nhiên</p>		<p>Bộ Xây dựng không tiếp thu. Lý do: TTHC đã phân cấp cho địa phương</p>	<p>Đông ý không tiếp thu</p>

		<p>tên của TTHC số 11 là “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thông nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”. Do đó, đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh kết quả thực hiện của TTHC số 11 là “Văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng đối với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”.</p> <p>- Tại mục 4.11 phần 4 (trang 19) căn cứ pháp lý đề nghị bổ sung “Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng”</p>		
	<p>2.3. Về TTHC số 12 “Lập, thẩm định đề án phân loại đô thị”</p> <p>- Nội dung tại điểm a mục 5.6 (trang 21) cơ quan có thẩm quyền quyết định đề nghị bổ sung nội dung “Chủ tịch Ủy ban nhân</p>		<p>Bộ Xây dựng không tiếp thu.</p> <p>Lý do: TTHC đã điều chỉnh sau khi Nghị định</p>	<p>Đồng ý không tiếp thu</p>

			<p><i>dung quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ trước khi trình phê duyệt các khu vực phát triển đô thị thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.</i></p> <p>Vì Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP đã bị bãi bỏ tại Khoản 4 Điều 4 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.</p>		
			<p>Sở Xây dựng Hồ Chí Minh (VB số 11594/SXD-VP ngày 31/7/2023)</p> <p>1. Đối với nội dung “Lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt Chương trình phát triển đô thị”</p> <p>Đề nghị bổ sung, cập nhật căn cứ pháp lý: Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực QLNN của Bộ Xây dựng.</p>		
			<p>2. Đối với nội dung “Lập, thẩm định đề án phân loại đô thị”</p> <p>Đề nghị bổ sung, cập nhật căn cứ pháp lý:</p> <p>- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn</p>	<p>Tiếp thu</p>	<p>Đồng ý không tiếp thu</p>
				<p>Bộ Xây dựng không tiếp thu. Lý do: TTHC đã phân cấp cho địa phương</p>	<p>Đồng ý tiếp thu</p>

		<p>quốc giai đoạn 2021 - 2030.</p> <p>- Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/09/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023).</p>		
		<p>Sở Xây dựng Quảng Bình (VB số 1928/SXD-VP ngày 25/7/2023)</p> <p>1. Thủ tục số 11, mục II, phần A: “UBND cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”: Đề nghị chưa đưa thủ tục này vào Quyết định công bố.</p> <p>Lý do: Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP quy định: “a) UBND cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tổ chức lập, lấy ý kiến, gửi cơ quan quy định tại điểm c khoản này để thẩm định chương trình phát triển đô thị đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung</p>	<p>Tiếp thu</p>	<p>Đồng ý tiếp thu</p>

	<p>ương, khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc trung ương;” ; “9. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết Điều này.”</p> <p>Như vậy, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chương trình phát triển đô thị chưa có quy định lấy ý kiến thông nhất bằng văn v/v góp ý dự thảo Quyết định công bố TTHC nội bộ của Bộ Xây dựng bản của Bộ Xây dựng và Chính phủ giao Bộ Xây dựng quy định chi tiết, do vậy đề nghị sau khi Bộ Xây dựng có hướng dẫn cụ thể thì công bố bổ sung.</p>				
	<p>Sở Xây dựng Thái Bình (VB số 1662/SXD-VP ngày 25/7/2023)</p> <p>Đề nghị xem xét việc công bố TTHC: Công nhận các khu vực phát triển đô thị, thuộc lĩnh vực Phát triển đô thị.</p> <p>Lý do: Căn cứ pháp lý của dự thảo thủ tục là theo Điều 7 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, trong khi Khoản 10, Điều 4, Nghị định 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã bãi bỏ các Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 7 của Nghị định số 11/2013/NĐ-CP.</p>				
	<p>Đối với TTHC: UBND cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thông nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối</p>				<p>Đồng ý tiếp thu</p>
				Tiếp thu	
				Bộ Xây dựng đồng ý không tiếp thu. Lý do: TTHC đã	Đồng ý không tiếp thu

	<p>với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, thuộc lĩnh vực Phát triển đô thị: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh cơ quan giải quyết, kết quả thực hiện cho phù hợp với thủ tục, vì đây là thủ tục UBND cấp tỉnh lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng, không phải trình phê duyệt chương trình phát triển đô thị tại địa phương.</p>	phân cấp cho địa phương	
	<p>Đối với TTHC: Lập, thẩm định đề án phân loại đô thị, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung: Đối tượng thực hiện là UBND cấp huyện; cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với đô thị loại V do UBND cấp huyện tổ chức lập.</p>	Bộ Xây dựng không tiếp thu. Lý do: TTHC đã điều chỉnh sau khi Nghị định 35/2023/NĐ-CP được ban hành	Đồng ý không tiếp thu
	<p>Sở Xây dựng Thừa Thiên - Huế (VB số 2676/SXD-VP ngày 24/7/2023)</p>		
	<p>1. Đề nghị điều chỉnh thẩm quyền quyết định tại TTHC: Công nhận các khu vực phát triển đô thị. Lý do: Theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP</p>	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu

		<p>thì UBND tỉnh quyết định các khu vực phát triển đô thị tại các đô thị có đồ án quy hoạch chung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng CP và đô thị mới có quy mô dân số tương đương đô thị loại IV trở lên theo quy hoạch đã được phê duyệt</p>		
		<p>2. Đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính số 11: UBND cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt được gửi Chương trình phát triển đô thị tuần tinh và chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Lý do: Căn cứ điểm d. Khoản 7, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP quy định: “Cơ quan tổ chức lập chương trình phát triển đô thị trình UBND cấp tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị, UBND cấp tỉnh báo cáo HĐND cấp tỉnh trước khi phê duyệt Chương trình phát triển đô thị đối với chương trình phát triển đô thị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc trung ương và thành phố được phân loại hoặc dự</p>	<p>Bộ Xây dựng Không tiếp thu. Lý do: TTHC đã phân cấp cho địa phương</p>	<p>Đồng ý không tiếp thu</p>

		<p>Kiến phân loại đô thị loại I, II”, theo đó không phải lấy ý kiến của Bộ Xây dựng, chỉ yêu cầu thông qua Hội đồng nhân dân.</p>		
		<p>Sở Xây dựng Vĩnh Long (VB số 1593/SXD-VP ngày 25/7/2023)</p> <p>1. Đối với TTHC “Lập, thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị”, tại đoạn đầu, mục a, khoản 2.6 cơ quan có thẩm quyền quyết định đề nghị điều chỉnh lại như sau: “Trường hợp khu vực phát triển đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Bộ Xây dựng chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Điều 9 (trừ điểm a và c khoản 1) của Nghị định 11/2013/NĐ-CP”</p> <p>Lý do: điểm a và c khoản 1 đã được bãi bỏ tại khoản 10, Điều 4 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu</p>	<p>Đồng ý tiếp thu</p>
		<p>2. Đối với TTHC: “Công nhận các khu vực phát triển đô thị”, đề nghị bỏ trình tự thực hiện “UBND lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng...thuộc thẩm quyền của</p>	<p>Tiếp thu</p>	<p>Đồng ý tiếp thu</p>

			<p><i>Thủ tướng Chính phủ</i></p> <p>Lý do: Quy định lấy ý kiến Bộ Xây dựng về nội dung này đã được bãi bỏ tại khoản 4, Điều 4 Nghị định 35/2023/NĐ-CP</p>		
			<p>3. Đối với TTHC: “UBND cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ” đề nghị xem xét, điều chỉnh lại tên kết quả thực hiện là Văn bản thống nhất của Bộ Xây dựng, lý do cho phù hợp với tên TTHC.</p>	<p>Bộ Xây dựng không tiếp thu.</p> <p>Lý do: TTHC đã phân cấp cho địa phương</p>	<p>Đồng ý không tiếp thu</p>
			<p>Sở Xây dựng Tiền Giang (<i>VB số 2076/SXD-VP ngày 26/7/2023</i>)</p>		
			<p>Đề xuất xem xét bổ sung thẩm quyền quyết định công nhận kết quả rà soát tiêu chí phân loại đô thị đối với đô thị loại V tại điểm a, tiêu mục 5,6 khoản 5 mục II phần A.</p>	<p>Bộ Xây dựng không tiếp thu.</p> <p>Lý do: TTHC đã điều chỉnh sau khi Nghị định 35/2023/NĐ-CP được ban hành</p>	<p>Đồng ý không tiếp thu</p>

	<p>Ủy ban nhân dân TP Hà Nội (VB số 2475/UBND-KSTTHC ngày 08/8/2023)</p>			
	<p>Về thủ tục STT9: <i>Lập, thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị và thủ tục STT10: Công nhận các khu vực phát triển đô thị. Đề nghị gộp 02 thủ này thành 01 thủ tục.</i></p> <p>Lý do: Tại Điều 8 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ quy định: “<i>Căn cứ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, chương trình phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc quyết định các khu vực phát triển đô thị theo thẩm quyền được quy định tại Điều 9 của Nghị định này</i>”. Như vậy việc tổ chức lập, thẩm định hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị và trình cấp có thẩm quyền công nhận các khu vực phát triển đô thị nên gộp thành một thủ tục.</p>	<p>Tiếp thu</p>		<p>Đồng ý tiếp thu</p>

	<p>2. Về thủ tục STT11: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thông nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt đối với Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Cơ quan thực hiện là Sở Xây dựng. Thủ tục này không có trong các quy định của pháp luật về xây dựng, về phát triển đô thị (Nghị định số 11/2013/NĐ-CP; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ). Đề nghị không đưa vào dự thảo.</p> <p>Lý do: Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ không có quy định lấy kiến Bộ Xây dựng trước khi UBND cấp tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị đối với tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương và khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc trung ương; Chương trình phát triển đô thị đối với thành phố, thị xã, khu vực dự kiến hình thành đô thị mới thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương, thị trấn, khu vực dự kiến thành lập</p>	<p>Tiếp thu</p>	<p>Đồng ý tiếp thu</p>
--	---	-----------------	------------------------

	<p>thị trấn thuộc huyện.</p> <p>Việc tổ chức thẩm định Chương trình phát triển đô thị báo cáo UBND cấp tỉnh phê duyệt, thì: Ủy ban nhân cấp tỉnh giao Sở Xây dựng hoặc Sở Quy hoạch- Kiến trúc (đôi với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) tổ chức thẩm định chương trình phát triển đô thị. Hiện nay, Chương trình phát triển đô thị toàn thành phố Hà Nội đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 đã được UBND Thành phố giao Sở Quy hoạch Kiến trúc thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt theo Quyết định số 61 70/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND thành phố Hà Nội. Đối với thành phố Hà Nội, việc xác định khu vực phát triển đô thị được quy định trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011.</p>			
--	---	--	--	--

		<p>3. Bổ sung căn cứ pháp lý tại các thủ tục, gồm: Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng tại thủ tục công nhận khu vực phát triển đô thị và thẩm định Chương trình phát triển đô thị; bổ sung Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của UBTV Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về phân loại đô thị tại thủ tục lập đề án phân loại đô thị.</p>		Chưa có giải trình	
		<p>UBND Bà Rịa Vũng Tàu</p> <p>1. Đối với thủ tục hành chính nội bộ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến Bộ Xây dựng khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt” thuộc lĩnh vực Phát triển đô thị: Hiện nay, quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày</p>	Tiếp thu		Đồng ý tiếp thu

	<p>14/01/2023 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể những khu vực được thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng”, nội dung này đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng:</p> <p>“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể những khu vực được thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt, đáp ứng các quy định pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định sau:</p> <p>a) Dự án phù hợp với các cấp độ quy hoạch đô thị; đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng của toàn bộ dự án hoặc theo</p>		
--	--	--	--

	<p>phân kỳ đầu tư được duyệt; việc xây dựng nhà ở phải đảm bảo tuân thủ nội dung và tiến độ dự án được duyệt;</p> <p>b) Không thuộc khu vực có yêu cầu cao quản lý về kiến trúc cảnh quan, mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên và các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị từng đô thị, quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, hạ tầng, đô thị để quy định cụ thể khu vực được thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền cho người dân được tự xây dựng nhà ở.”;</p> <p>Như vậy, việc quy định cụ thể những khu vực được thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt thuộc thẩm quyền của UBND cấp</p>		
--	---	--	--

	<p>tính, do đó, thủ tục hành chính nội bộ này không phù hợp với quy định tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.</p>			
	<p>2. Đối với thủ tục hành chính nội bộ “<i>Công nhận các khu vực phát triển đô thị</i>” thuộc lĩnh vực Phát triển đô thị:</p> <p>Đề nghị rà soát lại do khoản 3 Điều 7 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị đã bị bãi bỏ bởi khoản 10 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>	<p>Tiếp thu</p>		<p>Đồng ý tiếp thu</p>
	<p>3. Đối với thủ tục hành chính nội bộ “<i>Lập, thẩm định đề án phân loại đô thị</i>” thuộc lĩnh vực Phát triển đô thị:</p> <p>Đề nghị rà soát lại do Điều 13 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều</p>	<p>Bộ Xây dựng tiếp thu. Lý do: TTHC đã điều chỉnh sau khi Nghị định số 35/2013/NĐ-CP được ban hành</p>	<p>Đồng ý không tiếp thu</p>	

		<p>1 Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH15 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.</p>		
		<p>Sở Xây dựng Hà Nam (VB số 1906/SXD-VP ngày 02/8/2023)</p>		
		<p>Đề nghị rà soát nội dung, cập nhật căn cứ pháp lý để chỉnh sửa lại các thủ tục đã phân cấp về cấp tỉnh: Mục II. 1. UBND cấp tỉnh lấy ý kiến Bộ Xây dựng khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất đã được đầu tư xây dựng hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt; mục II. 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Xây dựng trước khi phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển đô thị có quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (<i>chuyển thành thủ tục xây dựng Chương trình phát triển nhà ở</i></p>	Tiếp thu	Đồng ý tiếp thu

		<i>của địa phương).</i>		
b. Lĩnh vực nhà ở	UBND TP Hải Phòng (VB số 1774/UBND-XD2 ngày 24/7/2023)			
	<p>1. Khoản 2.6 Điều 2 - Cơ quan giải quyết: + Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh. Đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu bỏ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (do UBND cấp tỉnh chỉ xin ý kiến của UBND cấp tỉnh về kế hoạch sử dụng vốn trước khi phê duyệt).</p> <p>2. Khoản 2.11 Điều 2 - Căn cứ pháp lý: + Đề nghị nghiên cứu bỏ sung Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.</p>	<p>Đã tiếp thu 2.6 mục IV của Dự thảo</p>		Đồng ý tiếp thu
	Sở Xây dựng Bắc Ninh (VB số 1280/SXD-VP ngày 25/7/2023)			
	<p>Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát lại danh mục TTHC nội bộ Sở Xây dựng nhận thấy một số công việc không cần thiết phải xây</p>		Không tiếp thu do việc xây dựng, điều chỉnh chương trình,	Đồng ý không tiếp thu

	<p>dựng thành TTHC nội bộ trong lĩnh vực nhà ở như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chương trình phát triển nhà ở của địa phương. - Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương. 			<p>kế hoạch phát triển nhà ở là TTHC nội bộ cần công khai, minh bạch</p>	
	<p>Sở Xây dựng Bình Định (VB số 2438/SXD-VP ngày 26/7/2023)</p>				
	<p>Đối với các TTHC số 1, 2 tại Mục IV, lĩnh vực Nhà ở: Góp ý bổ sung, cập nhật các nội dung mới có liên quan quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 22/6/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.</p>	<p>Đã tiếp thu tại gạch đầu dòng 5 mục 1.1 và gạch đầu dòng 3 2.1 mục IV của Phần II của Dự thảo</p>			<p>Đồng ý tiếp thu</p>
	<p>Sở Xây dựng Đồng Tháp (VB số 1791/SXD-VP ngày 31/7/2023)</p>				
	<p>TTHC: “Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương” của lĩnh vực nhà ở:</p> <p>Tại nội dung Cơ quan có thẩm quyền giải quyết (2.6): Đề nghị bổ sung nội dung</p>	<p>Đã tiếp thu tại mục 2.6 chương IV của Phần II Dự thảo</p>			<p>Đồng ý tiếp thu</p>

	“ <i>Trường hợp có sử dụng vốn ngân sách nhà nước</i> ”.		
	Sở Xây dựng Hòa Bình (VB số 2490/SXD-VP ngày 21/7/2023 và VB số 1184/UBND-NYK ngày 24/7/2023)		
	<p>TTHC: Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương</p> <p>1. Sửa mục: 2.1 Trình tự thực hiện</p> <p>- Trên cơ sở nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt, Sở Xây dựng tổ chức xây dựng hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn để xây dựng nội dung điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở để UBND cấp tỉnh phê duyệt;</p> <p>- Việc điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở quy định tại điểm đ khoản này có thể được thực hiện ngay trong năm sau khi UBND cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh chương trình hoặc trong năm sau của năm kế hoạch. Trường hợp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở trong năm sau của năm kế hoạch thì UBND cấp tỉnh phải phê duyệt kế hoạch điều chỉnh này trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch dự kiến điều chỉnh;</p> <p>- Trường hợp điều chỉnh nội dung kế hoạch có quy định về sử dụng nguồn vốn</p>	<p>Không tiếp thu do mục 2 về thủ tục xây dựng mới chương trình phát triển nhà ở, còn thủ tục điều chỉnh được nêu tại mục 4 chương IV Phần II của Dự thảo</p>	<p>Đồng ý không tiếp thu</p>

	ngân sách nhà nước cho phát triển nhà ở thì UBND cấp tỉnh phải xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp về kế hoạch sử dụng vốn trước khi phê duyệt.			
	2. Sửa mục: 2.6. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh (bỏ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do chỉ xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch sử dụng vốn trước khi phê duyệt)	Tiếp thu		Đồng ý tiếp thu
	3. Bổ sung mục: 2.11. Căn cứ pháp lý: - Khoản 1, điều 1, Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.			Không tiếp thu do Đồng ý không khoản 2 về xây phát dựng kế hoạch phát triển nhà ở, không phải về điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP Dự thảo
	Sở Xây dựng Hồ Chí Minh (VB số 11594/SXD-VP ngày 31/7/2023)			
	1. Đối với nội dung “Xây dựng chương trình phát triển nhà ở của địa phương” - Về tiêu đề: đề nghị điều chỉnh thành			Không tiếp thu do Đồng ý không đã nêu thủ tục điều tiếp thu chỉnh chương trình,

	<p>“Xây dựng/điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở của địa phương”.</p> <p>- Về trình tự thực hiện: đề nghị bổ sung trình tự điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở của địa phương căn cứ Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>- Về cơ quan có thẩm quyền quyết định (Mục 1.6): ngoài Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đề nghị bổ sung Bộ Xây dựng vào cơ quan có thẩm quyền quyết định vì căn cứ Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng về nội dung chương trình trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua”.</p> <p>- Về căn cứ pháp lý (Mục 1.11): đề nghị bổ sung căn cứ sau: “Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở”.</p>	<p>kế hoạch phát triển nhà ở tại mục 4 chương IV Phần II của Dự thảo.</p> <p>- Về thẩm quyền quyết định thì Bộ Xây dựng chỉ cho ý kiến còn thẩm quyền quyết định và ký phê duyệt Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở là của UBND cấp tỉnh. Do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo</p>	
--	---	---	--

	<p>2. Đối với nội dung “Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về tiêu đề: đề nghị điều chỉnh thành “Xây dựng/điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương”. - Về trình tự thực hiện (Mục 2.1): đề nghị làm rõ “Nghị định này” ở đoạn cuối là Nghị định nào. Đồng thời, bổ sung trình tự điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương căn cứ Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Về căn cứ pháp lý (Mục 2.11): đề nghị bổ sung căn cứ sau: “Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở”. 	<p>Không tiếp thu do Đồng ý không đã nêu thủ tục điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở tại mục 4 chương IV Phần II của Dự thảo.</p>	
<p>3. Đối với nội dung “Cho ý kiến về chương trình/điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở của thành phố trực thuộc Trung ương”</p> <p>Về cơ quan thực hiện (Mục 3.6): ngoài Sở Xây dựng, đề nghị bổ sung “ủy ban</p>	<p>Không tiếp thu do Đồng ý không kết quả thực hiện tiếp thu của thủ tục này là văn bản ý kiến của Bộ Xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành.</p>		

		nhân dân cấp tỉnh” vì căn cứ Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải gửi lấy ý kiến thông nhất của Bộ Xây dựng về nội dung chương trình trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua”.		Do vậy, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.	
		Số Xây dựng Lâm Đồng (VB số 1725/SXD-VP ngày 25/7/2023)			
		1. TTHC Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương (số thứ tự 15 mục IV Lĩnh vực nhà ở) đề nghị Bộ Xây dựng tách thành 2 TTHC cho kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm và hàng năm để được rõ ràng hơn.		Không tiếp thu do Đồng ý không thủ tục xây dựng kế tiếp thu hoạch 5 năm và hàng năm tương tự như nhau, chỉ khác nhau về điều kiện thực hiện đã được nêu cụ thể tại mục 2.10, chương IV Phần II của Dự thảo	
		2. Bổ sung TTHC: Điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở của địa phương và mục 4 chương TTHC: “Điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương”.	Đã tiếp thu tại Phần II của Dự thảo		Đồng ý tiếp thu
		Số Xây dựng Phú Thọ (VB số 1263/SXD-VP ngày 25/7/2023)			

		<p>Tại điểm 2.11, khoản 2, mục IV lĩnh vực nhà ở, phần A, bổ sung căn cứ pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1, Điều 1, Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. 		<p>Không tiếp thu do Đồng ý không khoản 2 về xây tiếp thu dựng kế hoạch phát triển nhà ở, không phải về điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP Dự thảo</p>
		<p>Sở Xây dựng Quảng Bình (VB số 1928/SXD-VP ngày 25/7/2023)</p>		
		<p>1. Thủ tục số 14, mục II, phần A “Xây Đã tiếp thu tại dựng chương trình phát triển nhà ở của địa mục 1.6 phương”: Đề nghị quy định rõ Cơ quan chương IV thực hiện thủ tục là Sở Xây dựng các Phần II của thành phố trực thuộc Trung ương. Dự thảo</p> <p>Lý do: Tại Điểm c, Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở (sau đây gọi là Nghị định số 99/2015/NĐ-CP), quy định “...Đối với các thành phố thuộc Trung ương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải gửi lấy ý kiến</p>		<p>Đồng ý tiếp thu</p>

<p>thống nhất của Bộ Xây dựng về nội dung chương trình trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.” Do đó, thủ tục này chỉ áp dụng cho các thành phố trực thuộc Trung ương.</p>			
<p>2. Thủ tục số 15, mục II, phần A “Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương: Đề nghị không ban hành thủ tục này.</p> <p>Lý do: Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở, quy định: “a) Trên cơ sở chương trình phát triển nhà ở của địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để phối hợp với các cơ quan có liên quan của địa phương xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm và hàng năm để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt..... Trường hợp nội dung kế hoạch có quy định về sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xin ý kiến của</p>		<p>Không tiếp thu do Đồng Ý Không đang thực hiện theo tiếp thu quy định hiện hành.</p>	

		<p>Hội đồng nhân dân cùng cấp về kế hoạch sử dụng vốn trước khi phê duyệt; b) Trên cơ sở đề xuất nội dung kế hoạch phát triển nhà ở của Sở Xây dựng, UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.”. Theo đó, việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương do UBND cấp tỉnh quyết định, nội dung này không thuộc Danh mục TTHC nội bộ giữa Bộ Xây dựng với các cơ quan hành chính nhà nước.</p>		
		<p>Sở Xây dựng Quảng Trị (VB số 1639/SXD-VP ngày 24/7/2023)</p>		
		<p>Đối với trình tự thực hiện của TTHC nội bộ lĩnh vực Nhà ở: “Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương”, đề nghị:</p> <p>1. Điều chỉnh nội dung: “...UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan của địa phương có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến nhà ở theo yêu cầu của Sở Xây dựng và phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở” thành “Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan của địa phương có trách nhiệm</p>	<p>Không tiếp thu do Đồng ý không nội dung này đang tiếp thu được quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ</p>	

		<p>cung cấp các thông tin liên quan đến nhà ở theo yêu cầu của Sở Xây dựng và phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở”.</p>				
		<p>2. Đề nghị đưa nội dung: “UBND cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của Nghị định này”.</p> <p>Lý do: Đây là nội dung quy định trách nhiệm, không thuộc nội dung về quy trình thực hiện</p>		<p>Liên quan đến Đồng ý không tách bố trí kinh phí tiếp thu để xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở đã được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ</p>		
		<p>UBND TP Hà Nội (VB số 2475/UBND-KSTTHC ngày 08/8/2023)</p> <p>Về thủ tục STT14 và STT15: “Xây dựng Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương”. Nội dung này đề nghị không đưa vào dự thảo.</p> <p>Lý do: Theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ và nội dung dự thảo Luật Nhà ở (sửa đổi) đang</p>				
				<p>Không tiếp thu do Đồng ý không đang thực hiện theo tiếp thu quy định hiện hành.</p>		

		<p>được Bộ Xây dựng gửi lấy ý kiến, việc xây dựng Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện.</p>		
3.3	<p>Lĩnh vực kinh tế xây dựng</p>	<p>Sở Xây dựng Bắc Giang (VB số 2063/SXD-VP ngày 27/7/2023):</p> <p>1. Thủ tục “Cho ý kiến đối với định mức dự toán xây dựng do Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trước khi ban hành áp dụng”</p> <p>- Mục “1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ”: đề nghị nghiên cứu hướng dẫn Thông tư số 13/2021/TT-BXD để bổ sung vào thành phần hồ sơ.</p> <p>- Mục “1.4. Thời hạn giải quyết”: đề nghị Bộ Xây dựng bổ sung thời gian giải quyết việc cho ý kiến là 30 ngày. Do Nghị định 10/2021/NĐ-CP và thông tư số 11/2021/TT-BXD không quy định thời gian giải quyết nhưng đây là thủ tục nội bộ của Bộ Xây dựng, ý kiến của Bộ Xây dựng là một văn bản quan trọng mang tính chuyên môn hướng dẫn để địa phương</p>		
				<p>Theo quy định tại Đồng ý UBND khoản 2, Điều 26 các tỉnh, thành Nghị định số phó có trách 32/2019/NĐ-CP nhiệm tổ chức ngày 10/4/2019 và xây dựng đề của Chính phủ thì ban hành áp UBND cấp tỉnh: dụng trên địa “Ban hành, sửa đổi, bản, không cần bổ sung định mức phải lấy ý kiến kinh tế - kỹ thuật, của các Bộ, cơ định mức chi phí quan chuyên (nếu có) áp dụng ngành đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công, tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm,</p>

	<p>chỉnh sửa, hoàn thiện ban hành định mức, nếu không quy định rõ thời gian Bộ cho ý kiến sẽ ảnh hưởng đến tiến độ, kế hoạch, kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong năm của đơn vị được giao mà ở đây là cấp Bộ và cấp địa phương.</p> <p>- Mục “1.7. Kết quả thực hiện: “Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi định mức xây dựng mới, định mức điều chỉnh về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý”: đây là trách nhiệm Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định trong Nghị định 10/2021/NĐ-CP, không phải là kết quả thực hiện của thủ tục hành chính cho ý kiến đối với định mức (kết quả thủ tục là công văn của Bộ).</p>	<p>dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của địa phương” do vậy, UBND các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức và xây dựng đề ban hành áp dụng trên địa bàn, không cần phải lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan chuyên ngành.</p>	
	<p>2. Thủ tục “Quản lý định mức mức dự toán dịch vụ công ích đô thị trước khi áp dụng”</p> <p>- Mục “2.4. Thời hạn giải quyết”: đề nghị bổ sung thời gian giải quyết thủ tục.</p> <p>- Mục “2.6. Cơ quan giải quyết”: đề nghị bỏ “ Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</p>	<p>Chưa có giải trình</p>	

		<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.</p> <p>- Mục “2.7. Kết quả thực hiện: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng”: đề nghị nghiên cứu, xem lại nội dung này.</p> <p>- Mục “2.11. Căn cứ pháp lý”: đề nghị nghiên cứu, sửa lại căn cứ pháp lý cho phù hợp với nội dung thủ tục hành chính.</p>		
		<p>Số Xây dựng Ninh Bình (VB số 2338/SXD-VP ngày 27/7/2023)</p> <p>Tại Mục 2, II. Lĩnh vực Kinh tế xây dựng, phần B. Thủ tục hành chính nội bộ Bộ Xây dựng của Phụ lục kèm theo Quyết định sửa đổi như sau:</p> <p>“2. Quản lý định mức dự toán dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công đô thị trước khi áp dụng</p> <p>2.1. <i>Trình tự thực hiện:</i> Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức việc điều chỉnh định mức dự toán nếu điều kiện thực tế thực hiện của địa phương có sự khác biệt so với điều kiện quy định trong hệ thống định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố; tổ chức xây dựng định mức đối với các công tác dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công đô thị của địa phương chưa có trong hệ thống</p>		<p>Đồng ý không tiếp thu</p>
			<p>Tại dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 14/2017/TT-BXD (đang lấy ý kiến rộng rãi của các địa phương tại văn bản số 3489/BXD-KTXD ngày 03/8/2023 thì không còn quy định việc thống nhất với Bộ Xây dựng, chỉ lấy ý kiến của Bộ trong trường hợp cần thiết (dự kiến thời gian ban hành Thông tư Quý</p>	

		<p>định mức dự toán do Bộ Xây dựng công bố và thông nhất với Bộ Xây dựng trước khi quyết định áp dụng.”</p> <p>Lý do: Căn cứ theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ, hiện nay một số dịch vụ công ích đô thị được phân loại thành dịch vụ sự nghiệp công.</p>	3/2023).	
3.4	Lĩnh vực quy hoạch kiến trúc	<p>Sở Xây dựng Bắc Ninh (VB số 1280/SXD-VP ngày 25/7/2023)</p> <p>Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát lại danh mục TTHC nội bộ Sở Xây dựng nhận thấy một số công việc không cần thiết phải xây dựng thành TTHC nội bộ trong lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về lĩnh vực quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng, kiến trúc để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành. - Phối hợp trả lời các văn bản, cho ý kiến với các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng về các nội dung, nhiệm vụ được yêu cầu. - Trả lời các văn bản, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch 		Chưa có giải trình

		xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn và kiến trúc do các Bộ, ngành và địa phương đề nghị.			
		Sở Xây dựng Bình Phước (VB số 2355/SXD-VP ngày 28/7/2023)			
		<p>1. Danh mục TTHC mục A thuộc lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc đề nghị tên gọi TTHC thống nhất phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch; Luật Quy hoạch đô thị; Luật Xây dựng, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TTHC số 1 “Thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ” đề nghị chỉnh sửa thành “Thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ” - TTHC số 2 “Lấy ý kiến thống nhất đề án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ” đề nghị chỉnh sửa thành “Lấy ý kiến thống nhất đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ”. <p>- TTHC số 5 “Xây dựng các chủ trương,</p>			Chưa có giải trình

	<p>chính sách, định hướng, chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về lĩnh vực quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng, kiến trúc để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành” đề nghị chỉnh sửa thành “Xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, chiến lược, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và kiến trúc để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành” .</p> <p>- TTHC số 7 “Trả lời các văn bản, hướng dẫn dân việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn và kiến trúc do các Bộ, ngành và địa phương đề nghị” đề nghị chỉnh sửa thành “Trả lời các văn bản, hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và kiến trúc do các Bộ, ngành và địa phương đề nghị” .</p>		Chưa có giải trình	
	<p>2. Nội dung cụ thể của từng TTHC nêu tại Phần II đề nghị chỉnh sửa, bổ sung: -Tên gọi của TTHC theo gợi ý tại mục 1 văn bản này. -TTHC số 1: Tại số thứ tự 1.8 phí, lệ phí:</p>			

			<p>Dự thảo “Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính” là không phù hợp. Hiện tại theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị có quy định về định mức chi phí thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch. Do đó, đề nghị chỉnh sửa thành “Mức phí thu thẩm định theo Thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị”.</p>		
			<p>3. Căn cứ pháp lý của từng loại TTHC thuộc lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc đề nghị rà soát bổ sung các Luật quy định có liên quan của TTHC: Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019.</p>	Chưa có giải trình	
			<p>4. TTHC số 6 và 7 đề nghị nên có quy định thời hạn giải quyết TTHC tạo điều</p>	Chưa có giải trình	

		Kiện thuận lợi cho đối tượng thực hiện và cơ quan giải quyết TTHC.		
		Sở Xây dựng Hà Nam (VB số 1906/SXD-VP ngày 02/8/2023)		
		- Mục 2, phần A về Lẫy ý kiến thống nhất Đồ án quy hoạch xây dựng, đồ thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh: - Mục 2.3 về thành phần hồ sơ: Nội dung “Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án” xem xét sửa lại nội dung này cho phù hợp, làm cơ sở để thống nhất thực hiện Lý do: Theo Khoản 7, Điều 29 Luật số 35/2018/QH14, sửa đổi, bổ sung Điều 44, Luật quy hoạch đô thị 2009 đối với các đồ án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh, Bộ Xây dựng chỉ có ý kiến thống nhất bằng văn bản. Do đó, Bộ Xây dựng không phải là cơ quan thẩm định		
3.5	Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình XD	Sở Xây dựng Bắc Ninh (VB số 1280/SXD-VP ngày 25/7/2023)		
		Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát lại danh mục TTHC nội bộ Sở Xây dựng nhận thấy một số công việc không cần thiết phải xây dựng thành TTHC nội bộ trong lĩnh vực quản lý chất lượng: Quyết định của Thủ	Không tiếp thu	Đồng ý không tiếp thu

			tướng Chính phủ về thành lập Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng.			
3.6	Lĩnh vực giám định tư pháp		<p>Sở Xây dựng Bắc Ninh (VB số 1280/SXD-VP ngày 25/7/2023)</p> <p>Đề nghị Bộ Xây dựng rà soát lại danh mục TTHC nội bộ Sở Xây dựng nhận thấy một số công việc không cần thiết phải xây dựng thành TTHC nội bộ trong lĩnh vực giám định tư pháp như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về khen thưởng cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng. - Thành lập Hội đồng giám định để giám định lại lần 2 theo quyết định của người trung cầu giám định. 	Tiếp thu		Đồng ý tiếp thu
3.7	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật		<p>Sở Xây dựng Hà Nam (VB số 1906/SXD-VP ngày 02/8/2023)</p> <p>Đề nghị bổ sung thủ tục nội bộ thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật: Phê duyệt danh mục dịch vụ sự nghiệp công đô thị, dịch vụ công ích đô thị.</p>			<p>Tại khoản a, khoản Đồng ý phương 2, Điều 26 của Nghị UBND cấp định số tỉnh công bố 32/2019/NĐ-CP TTHC nội bộ ngày 10/4/2014 của này</p>

			<p>Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên quy định:</p> <p>"2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>a) Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích, thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại Điều 5 Nghị định này cho phù hợp với tình hình thực tế trong</p>
--	--	--	--

từng thời kỳ"

Do vậy trách nhiệm công bố TTHC nội bộ này thuộc về UBND cấp tỉnh, đề nghị UBND cấp tỉnh rà soát và ban hành TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 26 của Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019.